

Phần thứ nhất

ÔNG CHỦ NHIỆM BÁO *SÔNG HƯƠNG*

Đề tài *Ông chủ nhiệm báo "Sông Hương"* là một câu chuyện lịch sử của hơn bảy mươi lăm năm trước - 1936, 1937 - nhưng là một thứ lịch sử không cũ mà còn ấm nóng hơi thở của cuộc sống đương đại. Nói vậy, là bởi, rất nhiều chuyện hơn bảy mươi lăm năm trước tiền bối của chúng ta đã bàn đến trên mặt báo, thì nay, những chuyện ấy lại còn đáng bàn hơn nữa, mà có bàn nữa, bàn mãi, thì chắc gì đã xong? Điều quan trọng là ngày nay chúng ta nhận ra, trong rất nhiều những chuyện ấy, nhiều ý kiến của người xưa vẫn còn đúng với ngày nay. Nghiên cứu câu chuyện lịch sử này khả dĩ giúp người đương thời vượt qua các kỳ thị chính trị lỗi thời để nhìn nhận lịch sử như nó vốn có theo cách khách quan, chính xác; cũng tức là giúp cho việc soi rõ sự nghiệp của một tác gia không thể thay thế của nền báo chí Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX.

Năm mười chín tuổi - 1906 - Phan Khôi thi đỗ tú tài Hán học, nhưng ông không tiếp tục chuẩn bị cho khoa thi tiếp theo để ra làm quan, mà tự mình chuyển qua học chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp. Đó là một quyết định mang ý nghĩa dẫn thân, không mấy giống với các nhà nho thời đó, và suốt đời mình, ông trung thành với quyết định đó bởi nghiệp viết báo, viết văn, dịch thuật và nghiên cứu.

Là con nhà khoa bảng, đề cao sự tự học và nặng lòng với những câu hỏi chưa tự trả lời được về sự mất nước, về ách đô hộ của thực dân Pháp, Phan Khôi dễ dàng hòa nhập vào các hoạt động yêu nước theo đường lối Phan Châu Trinh và mau chóng trở thành thành viên tích cực của phong trào này. Như chính ông kể lại trong một hồi ức còn ở dạng bản thảo viết năm 1955 ở Hà Nội, thì ông viết những bài báo đầu tiên vào năm 1908 cho tờ

Năng được thì cứ năng

Đăng Cổ Tùng Báo là tờ báo chữ Hán của Trường Đông Kinh Nghĩa Thực lúc hai mươi một tuổi, trong dịp các yếu nhân của phong trào Duy Tân Quảng Nam cử một số trí thức trẻ đi Hà Nội, trong đó có ông, vừa để học hỏi thêm, vừa để tìm hiểu đường hướng phát triển của Phong trào. Không lâu sau, ông bị thực dân Pháp bắt, kết án và bỏ tù ba năm vì tội hoạt động chống nhà nước bảo hộ cùng với những đồng chí của phong trào Duy Tân Quảng Nam như Huỳnh Thúc Kháng, Mai Dịch và nhiều người khác. Ra tù, ông bị quản thúc tại gia, mỗi lần muốn đi đâu phải trình báo đảm chức việc ở làng rất nhiều khê và mỗi bước đi đều bị mật thám Pháp theo dõi gắt gao. Ông phải tìm cách lánh nạn ở nhiều nơi và chấp nhận làm nhiều việc khác nhau để kiếm sống. Sẵn vốn tú tài Hán học và trên nền tảng của tư tưởng đoạn tuyệt với những cái cũ hủ lậu, ông hồ hởi tự học, tự nghiên cứu và nhanh chóng tiếp thu nền văn minh phương Tây, tạo cho mình một vốn kiến thức bác học ở nhiều lĩnh vực.

Tính từ năm 1908 khi viết bài báo đầu tiên, Phan Khôi phải mất thêm mười năm nữa để tự làm giàu và nâng tầm kho tri thức của mình cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Đó là mười năm ông chuẩn bị hành trang để bắt đầu thực thi cái phương cách yêu nước hợp với tạng của ông là chỉ chuyên tâm một con đường học thuật với mục đích khai dân trí. Muốn vậy, ông phải từ bỏ con đường vận động cách mạng bí mật mà ông đang tham gia, lúc này do một số cộng sự của Phan Bội Châu như Nguyễn Hàm, Thái Phiên dẫn dắt. Tự rời bỏ một tổ chức cách mạng để đi con đường riêng của mình là một quyết định không dễ dàng cho bất cứ ai vì những tai tiếng có thể do việc đó mang lại. Nhưng với ông thì ông vẫn quyết khi đã nhận ra, ngay cả những con người kiệt kiệt như Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu cũng không đủ lý luận để soi rõ cái đích thắng lợi của con đường mà họ đang dẫn dắt lớp trẻ yêu nước đi theo.

Ông thôi hoạt động cách mạng năm 1914, nhưng phải đến năm 1918, ông mới thực sự bước vào nghề viết báo chuyên nghiệp, khởi đầu là viết cho tờ *Nam Phong* của Phạm Quỳnh ở Hà Nội. Từ đó cho tới mùa hè năm 1936 là khoảng thời gian mười tám năm, ông cộng tác - nói đúng như ông nói là viết thuê - cho ít nhất là mười ba tờ báo ở Sài Gòn, Hà Nội, Huế; trong đó từng lúc được mời làm Chủ bút của các tờ *Phụ Nữ Thời Đàm* và *Tràng An*.

Từ năm 1935, Phan Khôi đưa người vợ trẻ mới thành thân cùng ông ở Hà Nội là bà Nguyễn Thị Huệ về Huế, và tại đây, ông nhận lời làm Chủ bút báo *Tràng An* của ông Bùi Huy Tín, chủ nhà in Đắc Lập. Báo *Tràng An* dưới tay Phan Khôi hay có những bài bình luận hoặc phóng sự với lời lẽ sắc sảo chỉ trích các sắc thuế của Nam triều, của chính phủ bảo hộ; lên án thói bạo ngược của bọn thực dân, của đám cường hào chuyên áp bức dân quê, làm cho Chánh mật thám Trung Kỳ Sogny nhiều lần nổi xung. Tên này đã từng dọa dẫm ông nhưng bị ông cự lại, cuối cùng hẳn phải dùng đến bài dọa rút giấy phép nhập khẩu giấy in báo của nhà in Đắc Lập, khiến cho tờ *Tràng An* phải lao đao mất một dạo.

Mất việc, ông tạm thời nhận lời dạy Việt văn cho Trường Tư thực Hồ Đắc Hàm, gửi bài cho *Hà Nội Báo* và xuất bản cuốn *Chương Dân thi thoại*, nhưng chừng đó việc vẫn chưa làm ông hài lòng. Lúc này hơn lúc nào hết, lòng mong muốn có được một tờ báo của chính mình, theo chí hướng của mình, do mình làm chủ, càng trở dậy hơn lúc nào hết ở nơi ông. Cơ may, thì đó cũng là lúc ông làm chủ được ba cái điều kiện, trong bốn cái điều kiện cần và đủ để ra một tờ báo.

Một là tài chính, thì ông trông vào cái lưng vốn hơn ngàn bạc dành dụm được từ tiền viết báo bấy lâu nay. Một ngàn bạc đó đủ để ông dự trù các việc chính, như mua giấy in, trả tiền công in và tiền nhuận bút cho ít nhất là mười số báo đầu tiên, mỗi số in năm ngàn bản, chưa tính lời lãi; sau đó quay vòng vốn bằng nguồn thu từ tiền bán báo của tất cả các đầu mỗi tiêu thụ để tiếp tục nuôi sống tờ báo. Có hai khoản ông không phải chi hàng tháng là tiền lương cho những người làm ở tòa báo là ông và vợ, cùng mấy người con lớn của ông, cũng như tiền thuê nhà làm trụ sở tờ báo. Tòa báo đặt ngay tại căn nhà ông thuê để tá túc, vì dù có không làm báo, thì ở Huế, cả nhà ông vẫn phải thuê nhà để ở. Cách tính toán này làm cho ông, dù có thương vợ thương con phải ở chật chội một chút, cũng cảm thấy yên tâm ít nhiều.

Hai là tay nghề và công việc ở tòa soạn, thì sau gần hai mươi năm vào Nam ra Bắc, ông đã nổi danh là một tay cự phách trong làng báo, với không ít kinh nghiệm trong quan hệ với nhà chức trách để xin giấy phép ra báo, công việc tổ chức bài vở, cách thức qua mắt ty kiểm duyệt để báo mình có

Nặng được thì cứ nặng

thể nói được những điều mình muốn nói, công việc điều hành tòa soạn, quan hệ với cộng tác viên, quan hệ với bạn đọc, quan hệ với nhà in, tổ chức công việc phát hành, kể cả việc chạy lo quảng cáo và hàng trăm thứ việc không tên khác. Lỡ có bí chỗ nào thì ông nhờ cậy sự giúp đỡ của một số bạn hữu ở Huế. Bên cạnh ông còn có hai người con lớn ông đã gọi về phụ giúp mình các công việc của tòa soạn: đó là anh Phan Thao, anh Phan Cừ, họ đều đã ngoài hai mươi tuổi một chút, sức dài vai rộng, học hành giỏi dang và rất siêng năng.

Ba là các lực lượng viết bài để lo bài vở cho mỗi số báo. Trước hết là ông trông vào chính mình, ông sẽ phải là cây viết chính để cày xới và gieo trồng nên mùa màng trên khắp các khoảnh ruộng của toàn bộ diện tích mặt báo, bất kể đó là bài xã thuyết ở trang nhất hay là các bài khác ở các chuyên mục. Ông còn có rất nhiều bạn hữu, đồng nghiệp là nhà báo, nhà văn, nhà học giả ở khắp cả ba miền, ai cũng hứa sẵn sàng cộng tác chặt chẽ với ông, cung cấp bài vở theo yêu cầu của ông.

Các công việc khác, nhất là công việc hậu cần, thì đã có bà vợ hai với một người con gái đang tuổi lớn là chị Phan Thị Thòà, vừa đi học vừa có thể giúp vợ chồng ông được một số việc nhà.

Nói cho cùng, ông có trong tay ba điều kiện đó thì cũng chỉ mới lo được một nửa của tờ báo; theo cách nói bây giờ thì ông chỉ mới có *điều kiện cần*, còn thiếu *điều kiện đủ*, trong khi đòi hỏi phải hội đủ cả hai điều kiện cần và đủ thì tờ báo mới đứng vững được.

Nói như vậy là bởi vì ba điều kiện đó mới chỉ bảo đảm cho ông được mặt nội dung tờ báo để nó có thể được bạn đọc chấp nhận, và hoạt động trong thời gian đầu. Được như thế đã là quý rồi, nhưng ông còn cần phải có một trợ thủ có nghề kế toán - tài chính và giỏi dang kinh doanh để cho tờ báo đừng ăn cụt vào vốn, thậm chí có lời để còn sống dài dài. Nó chỉ là điều kiện thứ tư thôi, nhưng lại là nửa còn lại của tờ báo, không có nửa còn lại này thì mỗi bước đi của tờ báo là mỗi bước phiêu lưu.

Ông biết điều đó, nhưng tình thế ở Huế lúc đó không kiếm đâu ra một cộng sự như vậy, vả lại, tiền đâu mà thuê một cao thủ như thế? Ông đành phải thối bùng lên lòng tự tin nơi mình. Ông tin ở mình, đã đành; ông còn tin thái quá ở sự thành thực của những người đặt mua báo, là mua đến đâu,

họ sẽ trả tiền sòng phẳng đến đó. Muốn gì thì ông vẫn chỉ là một nhà học giả thuần túy, không biết các mảnh lời trong kinh doanh, và các con ông cũng vậy. Hoặc giả có biết thì cũng khó có các mảnh lời để chống đỡ. Để một tờ báo đứng được lâu dài, ông và các đồng nghiệp của ông có thể đủ vốn học thuật để lo về bài vở, nhưng ông, kể cả các con ông, làm sao lo được cả về kinh doanh, về tài chính của tờ báo?

Dù vậy, ông đã quyết!

Ông quyết định thôi cái cảnh đi làm thuê cho các ông chủ báo, để ra tờ báo của chính mình! Quyết định này của ông quan trọng cũng như cái quyết định rời khỏi cuộc vận động cách mạng của Phan Bội Châu vào năm 1914, và cái quyết định đi về phía Việt Bắc ở thời điểm mười năm sau, 1946, lúc ông đang ở giữa một Hà Nội đầy xáo động.

Sau rất nhiều công lao, kể cả ra Hà Nội vận động, đến giữa năm 1936, Phan Khôi xin được giấy phép, tự mình đứng tên sáng lập tờ tuần báo *Sông Hương*. Lúc đầu trụ sở tờ báo đặt tại số 80 đường Gia Hội thành phố Huế, là ngôi nhà ông thuê để cả nhà tá túc; từ số 21 ngày 19 tháng 12 năm 1936 chuyển về số 96, cũng trên đường này và cũng theo cách vừa làm nhà ở vừa làm trụ sở tòa báo như vậy. Vốn nhỏ, nên ông không dám thuê người ngoài, mọi việc đều do người trong nhà đảm nhiệm.

Các bài có tính xã thuyết do ông viết là chính, một số ít bài do ông đặt người viết trong số các nhà văn, các nhà nghiên cứu; ông còn viết rất nhiều bài trong các chuyên mục của tờ báo; ông là người giữ mối quan hệ về bài vở với các nhà văn, các nhà nghiên cứu; cũng là người lo toan tất tậ mọi công việc ở tòa soạn.

Anh Phan Thao, con cả của ông, chí trai đã ngả hẳn về thiên hướng cộng sản, nên không mấy mặn mà với một tờ báo chỉ chuyên về tri thức, học thuật, mặc dù đó là tờ báo của cha anh và cũng có thể coi là của chính anh, bởi lúc đó anh cũng đã sớm phát lộ năng lực của một người làm báo chuyên nghiệp. Anh có mặt ở tòa soạn chủ yếu để sửa mo rát, có lúc làm thêm một ít công việc biên tập hay dịch một số bài ngán từ tiếng Pháp.

Phan Cừ, người con trai thứ hai của ông, thực chất cũng đã đi theo con đường của anh mình, thì giữ chân giao dịch với các đầu mối liên quan đến tài chính, như giúp ông chạy quảng cáo, trả tiền giấy, tiền công in cho nhà

Nắng được thì cứ nắng

in, trả tiền nhuận bút cho các tác giả, gửi báo và thu tiền các đại lý của tờ báo ở Huế và ở các nơi khác qua đường bưu điện.

Người con gái thứ ba, Phan Thị Thỏ, vừa đi học vừa phụ giúp bà vợ hai của ông, mà họ gọi là dì Huệ, trong các việc cơm nước và các việc khác của một gia đình, của một tờ báo.

Có thời gian còn thêm một người cháu họ gọi ông bằng cậu, anh tên Lộc, con cô Hương Nga, cũng người Bảo An, là chị em cô cậu ruột với ông. Nhà nghèo lại đông con nên anh Lộc học dở dang ban Trung học rồi nghỉ, ra Huế giúp cậu ở tòa báo, chuyên lo việc đánh máy bài vở.

Một tờ báo tuần khổ lớn, mười hai trang, mà trông vào một tòa soạn chỉ có ba người như vậy, thì đủ biết người chủ trì, là ông, bận rộn đến như thế nào?

Về mặt kỹ thuật, *Sông Hương* là tờ tuần báo ra ngày thứ bảy, mười hai trang khổ 48,5 x 32 cm sử dụng công nghệ in tipo đen trắng; chỉ có duy nhất một ảnh kèm nhỏ in hình bà chủ hiệu thuốc Thiên Hòa Đường ở Chợ Lớn trong một khung quảng cáo cho hiệu thuốc này; còn từ đầu chí cuối là hình vẽ minh họa in bằng bản khắc gỗ. Diện tích quảng cáo không bao nhiêu, chủ yếu dành cho sách mới, báo mới, trường học, nhà sách, xe máy, xổ số, thuốc chữa bệnh... nằm rải rác ở các trang. Giá bán mỗi số 0\$05.

Về mặt nội dung, *Sông Hương* số 1 ra ngày 1 tháng 8 năm 1936 với tôn chỉ mục đích được thể hiện qua bài *Sông Hương* chào đời, lời lẽ khiêm nhường, giản dị:

Ngày hôm nay, 1^{er} Aout 1936, tờ tuần báo Sông Hương này bắt đầu ra đời.

Ra đời, Sông Hương xin có lời chào chung người đọc nó, và chào hết thảy các bạn đồng nghiệp trước nó.

Lấy tên Sông Hương chẳng có nghĩa gì khác hơn là tờ báo này ra ở Huế.

Người ta hay nói "sông Hương, núi Ngự", có ý dùng mà đại biểu cho cái kinh đô của nhà vua. Nhưng Sông Hương này chẳng qua là sông Hương, không dám liều mình làm một sự đại biểu hệ trọng và danh giá như thế.

Sông Hương có khuynh hướng về văn học mỹ thuật; và sông Hương là một cảnh đẹp ở đất này. Vậy nếu có ai muốn hiểu rằng cái tên tờ báo là để hợp với tánh chất tờ báo thì cũng được, cái tên ấy lại hóa ra có nghĩa.

Sông Hương sẽ nói gì và làm gì? Bạn đọc hãy đọc qua mười trang này thì thấy. Chúng tôi không muốn tuyên bố gì cả và cũng không dám hứa gì cả.

*Một điều chúng tôi ao ước là nếu như ở xứ ta bà con xưa nay khát khao một tờ báo chuyên về sự học vấn tri thức mà chưa có, tờ **Sông Hương** này ra đời, hoặc có thể bù vào chỗ thiếu thốn ấy chăng! Nếu được vậy thì danh dự cho đồng nhân chúng tôi biết bao.*

Như vậy là rõ, *Sông Hương* là tờ báo chuyên về học vấn, tri thức, văn hóa, nghệ thuật, là những lĩnh vực mà Phan Khôi và các cộng sự của ông có thể mạnh và uy tín nổi trội. Đối tượng mà tờ báo nhắm đến là tầng lớp trí thức cũ và mới, không phân biệt già, trẻ, sang, hèn, giàu, nghèo, miễn là họ sống lương thiện và không bán nước cho Tây. Ở một số trang báo, ông đóng khung hình chữ nhật, trong đó in thành hai dòng, cái câu *Phàm người có học, phải đọc Sông Hương* như là một lời khuyên nhủ với các trí thức trẻ. Có thể nói Phan Khôi đang tự mình tiếp tục công cuộc khai dân trí mà mấy chục năm qua ông phải dựa vào các tờ báo của người khác mới làm được. Hay xa hơn, ở tuổi tri thiên mệnh, ông vẫn hào hứng với công cuộc dẫn thân từ thuở ông mới mười chín đôi mươi trong tư cách là một anh trò nhỏ được người bạn của cha là Phan Châu Trinh yêu mến và dẫn dắt.

Với thị trường báo chí hồi đó, *Sông Hương* có cái vẻ của một tờ báo ngay ngắn, đàng hoàng, nó thu hút độc giả bởi cái tên ông Chủ nhiệm và tên nhiều tác giả khác là nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu nổi tiếng thời bấy giờ.

Hơn bảy mươi lăm năm sau, ngồi tại Phòng đọc báo chí của Thư viện Quốc gia ở phố Tràng Thi, Hà Nội, lần gỡ từng số báo *Sông Hương* nộp lưu chiểu, gặp chữ ký của ông Chủ nhiệm kiêm Chủ bút Phan Khôi ở khung xi nhê tại cuối mỗi số báo, khó mà tránh khỏi bồi hồi nghĩ về một thuở thật xa xăm. Không còn nhân chứng lịch sử nào để hỏi chuyện, nhưng chắc chắn rằng, lúc ra được tờ *Sông Hương*, nhà báo kỳ cựu ấy mãn nguyện đến dường nào!

*

Sông Hương có đầy đủ các bài có tính xã thuyết và các chuyên mục của một tờ báo, nói chung; và để làm nên một tờ báo chuyên về văn hóa nghệ thuật, nói riêng. Nghiên cứu đầy đủ cả ba mươi hai số báo, có thể nhận thấy bài vở của tờ *Sông Hương* được cấu trúc như sau:

Năng được thì cứ năng

- Những bài độc lập - gọi như thể để chỉ những bài, hoặc là có tính xã thuyết, hoặc là có tầm quan trọng tương tự - được đặt ở trang nhất và các trang sau.

- Những bài không để tác giả.

- Những bài nằm trong các chuyên mục. Tờ *Sông Hương* có tất cả mười ba chuyên mục sau đây: *Sử học, Quốc văn nghiên cứu, Thơ, Truyện ngắn, Truyện dài, Phê bình, Giới thiệu, Bút ký, Phỏng vấn hay điều tra, Về học thuật, Khoa học thường thức, Lịch sử ký sự, Lý luận của tôi.*

- Những bài nằm trong các tổng đề. Bất chước ông mà gọi như thế, để chỉ những loạt bài dùng chung một cái nhan đề. Các tổng đề đó, thoạt nhìn giống như chuyên mục, nhưng không kể là chuyên mục, vì bài đăng ở chuyên mục bắt buộc phải có nhan đề, mà ở đây thì không. Có tất cả chín tổng đề: *Chương Dân thi thoại, Hán văn độc tu, Các sách tặng, Sử liệu từng mảnh vụn, Ngự sử đàn văn, Thời sự trong tuần lễ, Cuốn sách mỗi tuần, Sách báo mới, Đi học đi thi.*

Như vậy, *Sông Hương* có tất cả hai mươi hai vừa chuyên mục vừa tổng đề, đó là con số không nhỏ của một tờ báo tuần. Con số đó càng có ý nghĩa hơn khi ta biết tại tòa soạn của tờ báo thường trực hiện diện chỉ có ba cha con, trong đó người cha phải quán xuyến toàn bộ công việc.

Cái nhan đề của Phần thứ nhất đặt ra nhiệm vụ phải khảo sát toàn diện tờ báo, nghĩa là phải lần lượt xem xét các bài báo, các chuyên mục, các tổng đề, dừng lại kỹ hơn ở những bài báo của Phan Khôi, để qua đó nhận thấy *Sông Hương* là tờ báo thế nào? Phan Khôi đã thể hiện vai trò Chủ nhiệm kiêm Chủ bút như thế nào? Nói cách khác, là phải khái quát được tất cả bốn loại bài đã nói ở trên; dừng lại khảo sát kỹ hơn để tìm ra các bút danh khác của Phan Khôi; và giới thiệu được những bài quan trọng nhất, cũng như những chuyên mục, những tổng đề do ông trực tiếp phụ trách và viết bài cho nó.

Để có cái nhìn tổng quan về bài vở trên *Sông Hương*, cũng là để thuận lợi cho việc tìm hiểu các bài của Phan Khôi đăng trong từng loại đó, như đã nói trên, thì cần phải xếp thành bốn loại: *Những bài độc lập; Những bài không để tác giả; Các chuyên mục; và Các tổng đề.* Loại thứ ba và loại thứ tư, có cái xuất hiện ngay số đầu tiên, có cái về sau mới xuất hiện theo đề nghị của bạn

đọc; có cái phải ngừng giữa chừng, có cái chạy suốt cả ba mươi hai số báo, cũng đều là do sự dồi dào hay thiếu thốn của số lượng bài lai cáo ở tòa soạn. Đối với hai loại này, kể tên theo thứ tự trước sau như trên, là căn cứ lần xuất hiện đầu tiên của mỗi loại trên mặt báo. Trong mỗi loại như thế, đầu tiên sẽ kể đến các tác giả khác cùng với bài của họ; sau đó đi sâu vào bài vở của Phan Khôi theo cách điểm kỹ hơn một số bài tiêu biểu.

Với định hướng đó, việc khảo sát bài vở trên *Sông Hương* được thể hiện như dưới đây:

I

Những bài độc lập

Tuần báo *Sông Hương* không có riêng một mục xã thuyết, nhưng trang nhất của mỗi số báo bao giờ cũng hiện diện một hoặc hai bài quan trọng, mà tự nó có tính chất là một bài xã thuyết cho số báo đó. Những bài này nói lên quan điểm của chính tờ báo hoặc được tờ báo ủng hộ, trước mỗi vấn đề hoặc là của quá khứ, hoặc là của đương đại, thuộc mọi lĩnh vực, nhưng đều liên quan đến lịch sử, đến học thuật, đến công cuộc khai dân trí. Sử dụng cái đề mục *Những bài độc lập* là để chỉ những bài đó ở trang nhất cũng như một số bài khác cũng cùng tính chất ấy, nhưng đặt ở các trang sau. Cũng có thể hiểu nôm na: đề mục này nói về những bài nằm ngoài các chuyên mục của tờ báo.

Việc khảo cứu những bài này được tiến hành theo cách: thống kê và để riêng ra những bài của các tác giả khác; đi sâu tìm hiểu những bài biết chắc chắn là của Phan Khôi; đi sâu tìm hiểu những bài có bút danh lạ mà trước khi có *Sông Hương* chúng ta chưa gặp, để qua đó tìm ra thêm những bài của ông, cũng tức là tìm ra thêm những bút danh khác của ông. Thiển nghĩ, sự tìm tòi đó là phù hợp với nhan đề phần thứ nhất *Ông Chủ nhiệm báo "Sông Hương"*; cũng là để hiểu thêm dấu ấn của một Phan Khôi Chủ nhiệm kiêm Chủ bút tờ báo thì khác với một Phan Khôi nhà báo, như xưa nay chúng ta vẫn biết, là như thế nào? Việc tìm ra thêm các bút danh của Phan Khôi, ở đây, mới chỉ là ý kiến riêng, tin chắc đa phần là đúng, nhưng cũng khó

Nắng được thì cứ nắng

tránh khỏi có bút danh chưa đủ căn cứ để khẳng định, thậm chí có bút danh người viết nhầm lẫn. Dù thế nào, vẫn nên làm công việc phát hiện đó, ngõ hầu để bạn đọc có thể chỉ giáo cho.

*

Những bài của các tác giả khác

Các tác giả khác của loại bài này gồm có Hoài Thanh, Trần Thanh Mại, Trần Hà, Vũ Ngọc Phan, Huyền Vân, Hoàng Xuân Hãn, Hoàng Công Minh, Dân Xanh và Trà Giang Tử. Cụ thể:

Hoài Thanh, với bài *Vấn đề học thuật nước ta chỉ là một vấn đề tâm lý và luân lý* (số 1); bài *Về văn học, xứ ta cũng còn là một đất hoang* (số 5); bài *Kiếp làm văn* (số 7).

Trần Thanh Mại, với bài *Vua Duy Tân với bài thi "Trên Sông Hương" (Sur la Rivière De Parfums - Nocturne)* đăng tạp chí *Đô Thành Hiếu Cổ* năm 1916 (số 6); bài *Lạng Sơn bại bắc* (số 30).

Trần Hà, với bài *Vấn đề học chữ Hán ở trường công* (số 18).

Vũ Ngọc Phan, với bài *Thơ Hà Nội gửi vào* (số 21); bài *Thư Hà Nội gửi vào: "Cộng sản theo nghĩa khác"* (số 24).

Huyền Vân, với bài *Thơ Sài Gòn gửi ra* (số 21); bài *Thơ Sài Gòn gửi ra* (số 23).

Hoàng Xuân Hãn, với bài *Sang năm mới nói chuyện cũ* (số 28).

Hoàng Công Minh, với bài *Nền học cũ đã tàn rồi, phải làm thế nào cho Quốc văn phổ cập khắp dân gian* (số 29).

Dân Xanh, với bài *Danh lợi* (số 9).

Trà Giang Tử, với bài *Ma mere* (số 10).

*

Những bài của Phan Khôi

Những bài để tác giả là Phan Khôi, P.K, Sông Hương:

Những bài báo này ông sử dụng đích danh họ tên mình: Phan Khôi; có bài cũng họ tên mình nhưng ông viết tắt là P.K; có bài để tên tờ báo của ông: Sông Hương.

Có tám bài đăng trên mười số báo, ông để tác giả đích danh Phan Khôi, xin cử ra đây một số bài:

- Bài *Văn hóa phương Tây dưới mắt một người Việt Nam bảy mươi năm trước* (số 3).

Trong bài này ông bàn về bài thơ bằng chữ Hán *Đông Tây dị thú* của cụ Phạm Phú Thứ trong chuyến đi sứ ở Paris. Bài thơ có mười câu, phê bình văn hóa của Đông và Tây, ông dịch ra Quốc ngữ, giải nghĩa từng câu một, giải nghĩa cả các chỗ chua, để bạn đọc càng được rõ nghĩa hơn.

Ông cho rằng đó thật là một bài thơ có tính cách trọng yếu, trong đó cụ Phạm cử ra một vài phong tục của Tây khác với Đông mà thôi, chứ không có lời gì chê bai cả. Nhưng đọc đến những dòng chua ở dưới thì ông thấy rõ tác giả có ý bất mãn với văn hóa phương Tây, cho rằng không bằng phương Đông, nhất là về sự trật tự xã hội. Vì đó, ông dám bảo rằng cụ Phạm đã làm, nhưng ông không có ý chữa cái làm của người thuộc bảy mươi năm về trước, mà ông chỉ có ý chữa cho nhiều người ở đời nay mà cũng làm như cụ.

Ông kết luận bài báo bằng hai câu:

*Nói người Tây không biết đến nhân, nghĩa, lễ, trí, thật là một câu nói cá gan!
Nếu người Việt Nam đời nay mà còn có nói như thế thì quả cái nước này vô phúc!*

Ở tuổi tri thiên mệnh mà ông vẫn phê phán mạnh mẽ đến như thế đối với thói thủ cựu, là bởi vì chính ông, lúc ở tuổi mười chín đôi mươi, đã nghiền ngẫm văn hóa Đông, Tây, để rồi quyết dung nạp cái mới của văn minh nhân loại đến từ phương Tây ngay từ hồi ấy.

- Bài *Bối ra một vấn đề bỏ xó: hiện tại và tương lai của Khổng miếu ở xứ ta* (số 7).

Ông phê phán thái độ thờ ơ - mà ông gọi là bỏ xó - của các vị cử nhân, phó bảng, tiến sĩ, làm quan đến nhất nhị phẩm mà chẳng hề vi sơ đến những là Khổng miếu, Văn miếu, Văn chỉ, các hội Tư văn, là những cơ quan của nhà nho họp lại thờ giáo chủ của mình, đang mỗi ngày một mòn mỏi, suy đốn hầu đến mức tiêu diệt, tiêu diệt một cách lặng thinh, không ai biết.

Đó là một việc đáng nói, vì thế, mặc dù thế nào, thấy một việc đáng nói thì ông nói, vì bốn phận tờ báo của ông là phải nói.

Theo ông, sự thờ đức Khổng ở xứ ta có hai hạng: một là của quan, một là của tư. Của quan như Văn miếu ở kinh đô, nhà vua thờ; Văn miếu ở hàng

Nắng được thì cứ nắng

tỉnh, hàng tỉnh thờ. Đã là của quan thì bao giờ cũng "làm việc quan" chiếu lệ, ngoài sự mỗi năm hai kỳ tế xuân và thu ra, không có gì đáng kể.

Đáng để ý nhất là Văn miếu thuộc về hạng của tư. Trong các làng, nhiều làng có thờ Thánh, có hội Tư văn, nhưng quy mô nhỏ hẹp, ảnh hưởng chẳng là mấy, cũng không đáng nói.

Nên ở đây ông chỉ nói tới Văn miếu hàng huyện ở hầu hết trong hai xứ Trung và Bắc, từ thời Tự Đức giờ về trước. Một cái Văn miếu hàng huyện là một cái cơ quan tôn giáo mà kiêm cả giáo dục, ngôn luận, thưởng phạt, lại đôi khi cả chính trị nữa. Thế mà Văn miếu hàng huyện ngày nay, đâu như đó, dưới mắt thức giả chỉ là một nơi góp tiền tay để mưu việc... xôi thịt.

Ông kêu gọi: đã thế thì phải làm sao chớ. Trong từng huyện phải có một vài người hữu tâm đứng lên xướng suất việc cải cách. Nhất là phải giảm cúng tế, bỏ ăn uống mà để tiền giúp vào việc học hay mở các công cuộc khai trí cho nhau, hầu có ích hơn. Chứ đã là một cơ quan tôn giáo mà cứ mỗi năm hai kỳ giết bò giết heo cúng tế rồi ăn, lại diễn ra lắm trò đê tiện, thì rõ thật không gì đáng trách bằng.

- Bài *Trước mặt bạn đọc, đáp lại linh mục J. M. Thích, chủ bút báo **Vì Chúa*** (số 11).

Ông viết bài này là để nối tiếp bài *Trả lời cho một ông cố đạo* đã đăng trên số 4. Chung quy lại là để bảo vệ tiểu thuyết *Làm đĩ* của Vũ Trọng Phụng mà ông cho đăng đều kỳ trên *Sông Hương*, bắt đầu từ số 2 với bài *Lời giao hẹn với độc giả trước khi đọc truyện*.

Không còn cách nào khác, ông lột trần vấn đề ra, tức là vấn đề "giao cầu".

Giữa xã hội loài người, khi những chuyện xấu xa như thông dâm, thủ dâm, hiếp dâm, cưỡng dâm, mại dâm đi liền với các bệnh phong tình, thì nó trở thành một vấn đề xã hội trọng đại, khẩn yếu, ngang với các vấn đề khác, như chính trị, kinh tế, giáo dục... của một đất nước.

Nhưng do quan niệm khác nhau mà cách xử trí với nó khác nhau. Một phái giữ thái độ tiêu cực, muốn trừ khử những điều tệ hại ấy, nhưng phải làm thình mà trừ khử, không dám đem những điều cần nên biết về sự giao cầu mà rao giảng trước khi người ta vì sự ấy mà phạm tội hoặc mang bệnh.

Một phái giữ thái độ tích cực, là các nhà khoa học, nhất là các nhà sinh lý học, cho rằng nguồn gốc của các sự tệ hại ấy là do sự ngu dốt mà ra. Phái

này chủ trương đem sự ấy rao giảng cho người ta biết, dù không khỏi có kẻ làm bậy chằng nữa, quyết cũng còn có được số đông nghe theo mà làm điều phải.

Báo *Sông Hương* của ông ngã về phái tích cực, mà không có cách nào tuyên truyền trên báo, vì đó ông cho đăng truyện dài *Làm đi*. Thế cho nên truyện dài này đi suốt với tờ báo đến tận số 32, là số cuối cùng, ngay trước khi tờ báo chết.

- Bài *Thuyết "tịnh canh" của Hứa Hành với chủ nghĩa cộng sản* (số 13 và số 14), thuật lại sự ngạc nhiên của ông về sự giống nhau giữa một cái thuyết ở Trung Quốc cổ đại với cái thuyết của chủ nghĩa cộng sản thời hiện đại.

Bài báo bắt đầu từ chuyện một viên tùy phái của sứ bộ Trung Hoa ở nước Nga hồi còn chế độ quân chủ, khi về nước rồi, liền viết một tập hồi ký, trong đó có kể chuyện mình đã viết một cuốn sách nhỏ xuất bản ở thủ đô nước Nga, thành công vang dội. Thừa dịp ấy, y lấy một đoạn sách nói về thuyết "tịnh canh" của Hứa Hành trong sách *Mạnh Tử*, đem dịch ra tiếng Nga, thêm lời bàn giải, in thành một tập nhỏ, bán khắp cả nước Nga cho đến các nước châu Âu, số lượng phát hành đến hơn hai mươi vạn bản.

Ông lấy làm lạ, cái đồ bỏ xó trong tủ sách phương Đông hơn hai ngàn năm nay, sang đến phương Tây lại hóa ra của lạ, của quý, thật không ai ngờ! Người Việt Nam mình đọc sách *Mạnh Tử* kể cũng đã hơn ngàn năm, ai cũng biết Hứa Hành, nhưng chẳng hề có ai để ý. Bây giờ thì chẳng còn ai đọc *Mạnh Tử* nữa, nhưng bên trời Tây thì người ta lại nhao nhao lên vì cái thuyết "tịnh canh" của họ Hứa, nên đó là cái cơ rất chánh đáng cho ông thuật lại cái thuyết ấy ở đây.

Nguyên, thuở đó Mạnh Tử sống ở nước Đằng là một nước chư hầu nhỏ thời Chiến Quốc, Văn Công là vua nước Đằng. Hứa Hành từ nước Sở dẫn theo vài mươi đồ đệ qua xin nhập tịch làm dân nước Đằng, nhưng y dám phê phán rằng: "Vua nước Đằng thì thật là vua hiền, nhưng chưa nghe đạo. Kẻ hiền cùng cày mà ăn, mỗi ngày hai bữa thổi nấu lấy và làm cả việc cai trị. Thế mà nước Đằng hiện có lắm đụn kho tàng thì chỉ là hại dân để nuôi mình thôi, có hiền gì đâu?".

Trần Tương người nước Tống cũng sang nước Đằng tình nguyện làm dân, rất mến phục Hứa Hành, mới đem câu ấy thuật lại với Mạnh Tử.

Năng được thì cứ năng

Mạnh Tử truy vấn một hồi, họ Trần bí, lúc đó Mạnh Tử mới ra lời bác cái thuyết ấy đi:

Thế thì cái việc trị thiên hạ, há lại có thể đã cày mà còn làm luôn cả được ư? Có phần việc của đại nhân, có phần việc của tiểu nhân... Cho nên có lời cổ ngữ rằng: người thì nhọc lòng, kẻ thì nhọc sức; người nhọc lòng thì trị người; kẻ nhọc sức thì bị người trị; kẻ bị người trị phải làm mà nuôi người; còn kẻ trị người thì được người nuôi: ấy là cái nghĩa suốt dưới trời này.

Cái thuyết "tĩnh canh" của Hứa Hành bởi đó mà tịt mắt.

Đến ngày nay, bên Tây nổi lên chủ nghĩa cộng sản, có hơi giống với thuyết "tĩnh canh", nên cái thuyết ấy luôn với cái người sáng tạo ra nó mới sống lại, chẳng phải ở giữa nước Tàu, mà lại ở giữa mấy nước Âu châu. Thuyết "tĩnh canh", không biết người sáng tạo ra nó chủ trương rằng có chính phủ hay không có chính phủ, chỉ biết rằng, theo thuyết ấy, thì trong một nước, mọi người đều cày cấy mà ăn, dù cho kẻ giữ việc cai trị cũng phải cày.

Ông mượn ý trong lời nói của một người nước ngoài, rằng: theo ý kiến của nhiều học giả thời nay thì không chính phủ chẳng phải là sự không thể, nhưng phải với điều kiện là hết thảy loài người không một ai là không tốt nghiệp đại học, thì cũng phải mất tới sáu ngàn năm sau!

Cái thuyết kỳ quặc ấy hơn hai ngàn năm trước bị đánh đổ ở Trung Hoa, thế mà cách đây ba mươi năm nó lại được hoan nghênh ở một nước sắp có cuộc xã hội cách mạng, ấy là vì nó có chỗ tương tự với chủ nghĩa cộng sản. Cộng sản có một cái tín điều rất lớn là: "các tận sở năng, các thủ sở nhu", nghĩa là: "mỗi người đều làm việc hết tài trí của mình, mỗi người đều lấy đủ sự cần dùng của mình".

Bốn chữ "các tận sở năng" cũng gần như cái nghĩa của hai chữ "tĩnh canh". Người ta nói ông Lénine hồi trước hay ông Staline bây giờ vẫn giữ theo cái tín điều ấy: mỗi người ngoài sự làm việc cai trị ra, mỗi ngày phải làm mấy giờ cái nghề của mình để tạo ra của cải cho xã hội, có thể mới là "các tận sở năng", mới là bình đẳng. Ông nghĩ rằng đó là người ta nói đùa mà chơi thôi, chứ ông Lénine hay ông Staline cũng chẳng khác nào ông Mussolini hay ông Hitler, với cái tướng tinh ho ra khói, khạc ra lửa ấy, dễ dàng gì mà bảo họ cầm cái liềm, cái bay hay cái búa?

Đến cuối bài báo, ông kết luận:

Theo tôi tưởng, "tình cảnh" hay "các tận sở năng", cái tư tưởng ngộ nghĩnh ấy phải đến lúc vô chính phủ mới thực hiện được. Loài người phải đợi sáu ngàn năm nữa. Còn bây giờ chỉ nói mà chơi!... Sáu ngàn năm nữa cũng chẳng lâu la mấy!...

Về bài báo này, có hai điều cần kể thêm:

Một là, khi viết xong, ông đưa bản thảo cho người con lớn đang tìm đường đến với chủ nghĩa Marx là anh Phan Thao, xem trước. Anh có đề nghị ông bớt lời ở một số chỗ và tỏ ý không muốn đăng bài này. Nhưng rồi ông không sửa gì mà vẫn cho đăng, vì ông nghĩ rằng con mình còn ít tuổi, lòng yêu nước thì có thừa nhưng chưa đủ độ sâu sắc để hiểu suy nghĩ của ông.

Hai là, khi số báo có bài này ra xong, bên tòa Khâm những tướng ở kinh đô Huế đã xuất hiện một kẻ chống cộng sản tầm cỡ, mấy ngày sau bèn mời ông sang. Họ nói quan Khâm "chịu" bài báo ấy lắm, tặng ông hai trăm đồng, lại hứa rằng nếu ông muốn thì tờ báo của ông sẽ được chính phủ bảo hộ trợ cấp tiền cho. Họ cũng lại hiểu sai ý ông. Chuyện ông không tin vào cái tín điều ấy của chủ nghĩa cộng sản là có thật, nhưng đâu phải vì thế mà ông không kính trọng lòng yêu nước và sự hy sinh của những người cộng sản Việt Nam bấy lâu nay. Và chuyện đó của ông chẳng liên quan gì đến ý đồ tiêu diệt cộng sản Việt Nam của mấy viên quan bên tòa Khâm cả. Vì vậy ông lắc đầu, mấy tháng sau hết tiền làm báo, nhưng ông vẫn quyết để cho tờ báo chết!

- Bài "*Việt sử độc hội*" của người Nhật Bản ở Sài Gòn (số 15).

Ông phê phán cái thói coi thường lịch sử dân tộc của người Việt mình, trong khi chính mắt ông thấy người Nhật ở Việt Nam không một ai là không chú ý tìm hiểu lịch sử Việt Nam, đến mức họ lập nên cái "*Việt sử độc hội*" kia ở giữa đất Sài Gòn. Ông lấy làm thẹn cho người Việt mình, đến chính sử nước mình còn không biết. Ông lấy làm ngờ vực cho cái văn hiến của nước mình, bởi tìm không ra một địa chỉ để mua sách lịch sử nước nhà. Và chính câu chuyện mà ông gọi là "một câu chuyện đáng thương tâm" ấy, đã gợi ý cho ông mở mục *Sử học* trên tờ *Sông Hương*, ngõ hầu sẽ làm được việc gì chẳng cho dân mình bớt quên sử nước mình.

- Bài *Ý kiến của tôi về việc xin ngôn luận tự do: Tại sao tôi phản đối sự xin lập nghiệp đoàn báo giới Trung Kỳ?*(số 26) là để tiếp tục tỏ ra cái điều ông bất đồng

Nắng được thì cứ nắng

ý đã nói ở bài *Tự do gì lại có tự do xin* (số 16) và bài *Trở lại vấn đề ngôn luận tự do: Dù được ngôn luận tự do, chúng ta cũng chưa chắc sử dụng được cái quyền ấy* (số 19).

Sở dĩ ông phải có bài thứ ba vì sau hai bài trước, đã có một số tờ báo cho ông là phản động vì ông dám chống lại việc kêu gọi đi xin tự do ngôn luận của số đông các tờ báo lúc bấy giờ. Nhưng ông thì vẫn đặt câu hỏi: nói thế nào chớ, tự do gì lại có thứ tự do đi xin? Trên lịch sử, người ta chỉ giành được tự do bởi sắt và máu, chứ chưa hề bằng đầu, bằng trán bao giờ. Đã biết rằng xin, cho thì cho, không cho thì thôi, thì tội gì ông còn ngửa tay ra xin? Có điên rồ mới ảo tưởng rằng, chính phủ Pháp - dù là chính phủ Bình Dân đi nữa - lại đem hết thảy quyền tự do ngôn luận của dân Pháp ban cho dân Việt Nam, mà đi xin?

Ông muốn người Việt Nam chúng ta bao giờ cũng đạp chân sạt đất mà đi, nghĩa là muốn làm việc gì cũng phải căn cứ vào thực tế. Báo giới ta chịu nhiều sự áp bách quá lẽ, nếu được, thì ta xin giảm bớt ít nhiều những điều quá lẽ đó, còn có lý. Ví như: một tờ báo được quan Toàn quyền cho phép, thế mà lại bị ông quan Thủ hiến một xứ, thậm chí quan Thượng bộ Lại ở Huế, cấm lưu hành trong xứ mình là nghĩa làm sao? Sao ông Thủ hiến một xứ lại cấm được cái mà ông Thủ hiến năm xứ đã cho phép? Nếu có thể ta xin từ ràỵ chỉ có quan Toàn quyền thì mới có quyền cấm một tờ báo lưu hành. Lại như một tờ báo, khi bị rút phép, chẳng hề cho nó biết có tội gì. Thế thì ra chính phủ muốn giết tờ báo nào cũng được, ngang quá! Nếu có thể, ta nên xin từ ràỵ, mỗi khi muốn cấm xuất bản một tờ báo nào, trước phải đưa nó ra tòa, tuyên án nó.

Ông không đồng tình cái chuyện cứ bô bô cái giọng cao kỳ, những là "ngôn luận tự do", "báo chí tự do", vì nó không thực tế. Do ý kiến của ông về ngôn luận ở xứ ta như thế, nên ông cũng không ủng hộ việc xin lập nghiệp đoàn báo giới Trung Kỳ. Và, Bắc Kỳ chưa có, Nam Kỳ cũng chưa có, thì ở Trung Kỳ báo giới chịu trị dưới một thứ pháp luật chưa tiến hóa là pháp luật Nam triều, thì xin lập nghiệp đoàn làm sao? Ông cho rằng, ở Trung Kỳ có thể lập những hội ái hữu hay hội tương tế, thì được; chứ lập nghiệp đoàn thì không được, đã biết không được, thì rủ nhau đi xin làm gì?

- Bài *Van bạn đồng nghiệp Nhành Lúa, xin đừng nói sai sự thực* (số 28 và số 29).

Đãng bài này để ông nói về việc tờ báo trên có bài thóa mạ ông. Trong số 1, báo *Nhàn Lúa* đã làm một việc trái lương tâm, là sửa nguyên văn của ông, hoặc trích một câu trong một đoạn, hoặc cố ý hiểu nghĩa này ra nghĩa khác, để công kích ông. Ông thì rất vui lòng tiếp thu những lời người ta công kích mình, bất kỳ họ là ai. Nhưng ông rất ghét và cũng rất khinh cái thói bịa chuyện ra hay nói sai sự thực đi để công kích người ta. Ông nói thẳng:

*Tôi dù có hư hèn thế nào, chứ tôi dám tự phụ, cả đời tôi nói ra lời nào cũng ngay thật. Cho nên khi tôi thấy một người nói không ngay thật thì tôi phải khinh đút đi. Những người ấy, tôi cho đừng nói với họ là hơn, vì họ không đáng cho mình nói. Về việc riêng của tôi thì tôi nghĩ như vậy. Nhưng đến khi người ta nói sai những sự thực đã xảy ra giữa công chúng thì tôi cần phải đính chánh lại. Nhân tiện tôi cũng van xin người ta, tức là bạn đồng nghiệp *Nhàn Lúa*, rày về sau đừng làm cách ấy nữa.*

Sau đó, suốt cả hai số báo, ông đính chính lại từng việc tờ báo kia có tình nói sai sự thật về ông tại cuộc hội nghị báo giới ở Huế ngày 23 tháng 1 năm 1937, rồi kết luận:

Một người hay một tờ báo cũng vậy, nếu có ít nhiều lòng tự ái, tự trọng, thì không khi nào đặt điều hay nói sai sự thật để vu cáo người khác, vẫn biết sự vu cáo này có thể thoát ra ngoài pháp luật.

*

Có một bài ông để bút danh viết tắt là P.K. Nhan đề bài này là *Việc học cũng là việc cầu danh lợi* (số 10), để bàn tiếp bài *Danh lợi* của tác giả Dân Xanh (số 9).

Theo ông, thánh hiền dạy đời sau, cha dạy con, thầy dạy trò, xưa nay đều tránh xa hai chữ "danh lợi" mà không nói đến. Không nói đến gồm có hai ý: không thèm và không dám, sợ đem danh lợi nói với kẻ học thì như làm mất cái vẻ thần thánh tôn nghiêm của sự học đi. Thế vào đó, người ta dựng nên một cái mục đích khác, là học để "làm người", tức là ăn ở cho phải đạo, hợp với luân lý. Cái trò đó nực cười quá! Vì ở đời có nhiều việc chỉ khác nhau ở cái tên, chứ thực chất chúng chỉ là một. Ăn ở cho phải đạo, hợp với luân lý, thì con người đó mười phần chắc đến chín sẽ được hưởng lợi và danh. Thế thì học để làm người cũng tức là học để cầu danh lợi mà thôi.

Nặng được thì cứ nặng

Đức Khổng Tử dạy:

Học dã lộc tại kỳ trung hĩ, nghĩa là: Học vậy mà lộc ở trong đó rồi.

Sách *Luận ngữ* chép:

Làm người hễ lời nói ít lỗi, việc làm ít ăn năn, tất nhiên lộc ở trong đó rồi.

Coi đó thì thấy cái học để cầu danh lợi, chứ để làm gì? Huống chi, học rồi thi đỗ cử nhân, tiến sĩ, đỗ rồi ra làm quan, lương tháng năm chục, một trăm, thì không là danh, không là lợi, thì là cái gì? Huống chi, trong khi làm quan nhiều người ăn ở không phải đạo, không hợp luân lý, như ăn hối lộ, như làm thụt két, là những việc chẳng khác với ăn trộm, ăn cướp là mấy, cũng đều do học mà ra. Vậy mà nói học để làm người thì ai dám tin?

Người ta có khi còn xướng lên cái thuyết học để cứu quốc nữa. Nhưng nghĩ cho kỹ, học mà đạt đến cái mục đích cứu quốc, thì người ấy cái danh, cái lợi mà họ chiếm được lại càng to, bởi vì họ phải là tổng thống một nước, ít cũng phải tổng trưởng một bộ, danh dự đã to mà lương tháng cũng kếch xù nữa.

Có kẻ không màng đến cái lợi, như Tôn Văn ở Tàu, Gandhi ở Ấn Độ, thì cái danh của họ lại nhân đó mà lớn gấp bội lên. Rồi lại, cái học cứu quốc cũng chỉ là cái học cầu danh lợi. Ông tưởng cứ nên nói trắng ra như thế, còn hơn đeo mặt nạ, phủ nước sơn, phỉnh phờ lẫn nhau và giả dối lẫn nhau.

*

Có mười bốn bài đăng trên mười chín số báo, ông để tác giả là Sông Hương, xin cử ra đây một số bài:

- Bài *Kho sử liệu không đâu bằng Quốc sử quán, nhưng các ngài ở đó làm gì?* (số 4).

Bài báo bộc lộ hai trạng thái tinh thần trái ngược nhau của ông trước một hiện thực. Một là, rất sung sướng khi thấy bạn đọc trẻ tuổi rất thèm biết lịch sử nước nhà, vì vậy họ rất say mê chuyên mục *Sử học* và chuyên mục *Sử liệu từng mảnh vụn* đăng đều kỳ trên *Sông Hương*. Thế cho nên trạng thái tinh thần thứ hai là rất bất bình với các quan coi việc ở Quốc sử quán, vì đó là kho sử liệu đồ sộ, nhưng họ chẳng hề làm gì, để cho toàn dân bị đói sử. Ông hô hào:

Xin các ngài hãy dốc kho ra, cung cấp hàng đống sử liệu cho dân chúng tôi... Xin các ngài làm việc đi, dịch đi, cung cấp sử liệu cho quốc dân đi. Một cơ quan lớn

*như Quốc sử quán hẳn có tài liệu dồi dào đã đành, mà cũng có sức để làm việc ấy mạnh hơn tờ **Sông Hương** này vậy.*

- Bài *Việc học ở xứ ta nên lấy tiếng gì làm gốc?* đăng liền hai số 9 và 10.

Phần I của bài này in gần hết trang nhất của số 9. Bài báo trở nên trang trọng hơn bởi bức họa chân dung Phạm Quỳnh trong trang phục khăn đóng áo dài, rất đẹp, đặt chính giữa trang, bên dưới bức họa đề mấy lời: *Quan Thượng Giáo dục Phạm Quỳnh, người thứ nhất chủ trương lấy Quốc ngữ làm tiếng gốc, nhưng thực hành chưa được triệt để.*

Ông viết bài này bởi thấy việc học ở xứ ta rắc rối quá, người bảo nên lấy tiếng Pháp làm tiếng gốc, người bảo nên lấy tiếng ta, người ưng để chữ nho, người ưng bỏ hẳn. Các cơ quan dân cử mỗi lần họp là bàn đến việc học, các cơ quan ngôn luận cũng luôn bàn đến việc học, vậy mà việc học chẳng hề được giải quyết mấy may. Bởi vì bàn đến việc học nhưng người ta không có ý kiến gì nhất định, không có ý kiến gì rõ rệt. Người ta công kích sự bất trẻ con các trường sơ học học Quốc ngữ, nhưng nếu phải bỏ chữ Quốc ngữ đi thì người ta cũng tiếc. Thành thử, mấy mươi vạn trẻ con vẫn phải đi học, vẫn phải thay đổi nhau làm vật thí nghiệm cho những chương trình cũng luôn luôn thay đổi. Nay nhân khai giảng năm học mới, ông nghĩ nên ôn lại một lần nữa câu chuyện rắc rối này, mong góp một ý kiến vào câu chuyện chung.

Gần đây chính phủ lấy tiếng ta làm tiếng gốc ở ban sơ học, lấy lẽ rằng số đông trẻ con ở trường sơ học ra sẽ sống ở nơi quê mùa không cần dùng đến chữ Tây. Cứ lý mà suy thì cuộc cải cách ấy là phải lắm, nhưng quốc dân xem chiều không vừa lòng, mà không vừa lòng cũng có cái cố của nó, chung quy chỉ vì cuộc cải cách đó là nửa chừng, là không triệt để. Giả thử chính phủ chẳng những lấy tiếng ta làm tiếng gốc ở ban sơ học, lại định rằng ở các ban tiểu học, cao đẳng tiểu học, cho đến đại học nữa, cũng lấy tiếng ta làm tiếng gốc, thì quốc dân chẳng lấy lẽ gì mà không hoan nghênh. Quan cai trị René Crayssac vốn lịch duyệt, viết trên tờ *La Nouvelle Revue Indochinoise* số 6 Juille 1936, đại ý: với tiếng bản xứ người ta muốn dạy gì chẳng được, cho dầu những khoa học rất cao thâm cũng vậy, nhưng khốn nạn là ở chỗ các thầy không biết tiếng bản xứ, nên quay lại bắt học trò phải học tiếng của thầy, nên họ kê chữ Pháp cho các chương trình, đến tận chương trình các lớp đồng ấu cũng không tha.

Nặng được thì cứ nặng

Thế là rõ: sự lấy tiếng Tây làm tiếng gốc không có gì khác hơn là cái cơ các thầy dạy không biết tiếng ta! Cứ tưởng sự học là vì mấy chục vạn học sinh xứ này, ai dè lại chỉ vì mấy chục ông giáo sư! Theo ông, tiếng Tàu, tiếng Nhật có thể dùng để dịch các sách người Âu, thì tiếng ta cũng có thể dùng được trong việc ấy. Một ban tu thư sẽ định những quy tắc để dịch các tiếng chuyên môn về khoa học, về triết học và sẽ lần lượt biên dịch hết thầy các sách giáo khoa cần dùng. Các công văn của các công sở cũng viết bằng tiếng ta, và vì thế, các người Pháp tòng sự tại các công sở cũng phải biết tiếng ta cho thông thạo. Một cuộc cải cách như vậy, làm trong mười năm, hai mươi năm, thế nào cũng xong. Thiếu niên ta đi học sẽ lợi được rất nhiều thì giờ và văn Quốc ngữ sẽ nhờ đó mà phát đạt lên đến trăm nghìn lần, còn tiếng Pháp vẫn giữ một địa vị quan hệ trong chương trình, sẽ là tiếng ngoại quốc thứ nhất của học trò ta, học hết ban trung - đẳng chẳng hạn, vẫn có thể xem được sách báo của người Pháp.

Ông mong chính phủ sẽ đủ quả quyết để thực hành điều có ích, cho dầu phải chống lại những tập tục lưu truyền đã nửa thế kỷ nay.

Phần II cũng trang trọng như vậy, được đăng ở trang nhất số 10. Chính giữa bài là bức họa chân dung Phan Châu Trinh vận Âu phục, cũng rất đẹp, với mấy lời đề dưới bức họa: *Phan Châu Trinh tiên sanh, người thứ nhất phản đối việc lấy tiếng Quốc ngữ làm gốc trong việc giáo dục từ năm 1925.*

Phần I ông dựa vào một cái nguyên tắc thật chánh đáng mà viết ra, tưởng không ai có thể cãi được. Phần II này ông đứng về mặt thực hành mà lập luận, ấy là cái phương sách thứ hai, trong đó có cái ý cực chẳng đã.

Như đã nói ở phần trước, việc giáo dục người An Nam lấy Quốc ngữ làm gốc cho đến trung học, đại học; sự đó nghe thì phải lắm mà làm thì không được. Phải chi Việt Nam là nước độc lập thì có thể thực hành được thuyết ấy. Ngặt vì bị nước Pháp bảo hộ, quyền hành nằm trong tay người Pháp, mà bảo người Pháp phải học tiếng An Nam để dạy người Nam là điều rất khó, không thể làm được. Huống chi trong việc giáo dục còn có những sự giám đốc, điều tra, khảo hạch... là những sự rất quan trọng, không thể bắt người Pháp làm những việc ấy bằng tiếng An Nam được.

Hiện thời, tiểu học lấy Quốc văn làm gốc, nhưng thực hành chưa triệt để. Nội một sự dạy Quốc văn mà không có thầy, nghĩa là không có trường

sư phạm để đào tạo hạng thầy ấy, là một khuyết điểm lớn. Bao nhiêu lương pháp mỹ ý, chỉ một cái khuyết điểm ấy cũng đủ xóa đi hết cả.

Sự gì không được hoàn toàn, thà không có còn hơn. Lấy tiếng Quốc ngữ làm gốc mà vì hoàn cảnh khó khăn, không thể thực hành triệt để được, thì thà đừng lấy. Ông Phan Châu Trinh trước khi chết cũng đã tỏ cái ý ấy trên một tờ báo chữ Pháp ở Sài Gòn, ông ấy phản đối bằng Sơ học yếu lược. Nay thì thứ bằng ấy bỏ gần hết rồi. Trong tình thế ấy, lấy tiếng Pháp làm gốc, là sự đương nhiên và cũng đã thực hành trong Nam Kỳ rồi.

Lấy tiếng Pháp làm gốc thì được nhiều cái lợi, cái lợi lớn hơn hết là tiếng Pháp có nhiều sách. Ông chỉ yêu cầu trong khi lấy tiếng Pháp làm gốc, người ta đừng quên đặt chữ Quốc ngữ ở một cái địa vị xứng đáng. Đứng ra, Quốc ngữ phải ở cái địa vị *tiếng gốc thứ nhì*. Như vậy, trong chương trình học, nên bỏ khoa Hán văn đi mà thêm giờ học Quốc ngữ. Trong chương trình có khoa Hán văn là sự đại bất tiện, trẻ con mà phải học ba thứ tiếng, chẳng thấy nước nào hành hạ trẻ con như thế cả. Ông kết luận:

Chiều theo hoàn cảnh, cực chẳng đã, ta lấy tiếng Pháp làm gốc mà cũng không bỏ tiếng Nam, chúng tôi tưởng như thế, cho ta, chỉ có lợi mà không có hại.

- Bài Trở lại vấn đề ngôn luận tự do: Dù được ngôn luận tự do, chúng ta cũng chưa chắc sử dụng được cái quyền ấy (số 19), là để ông bàn tiếp câu chuyện đang còn dở dang, chưa ngã ngũ, mà phần bất lợi hình như đang thuộc về phía ông.

Theo ông, tự do ngôn luận là *một cái quyền* trong các thứ dân quyền, mà đã là cái quyền thì phải do dân dùng sức mạnh của mình giành lấy mà được, chứ không phải do người bề trên ban cho mà được. Dân Pháp được ngôn luận tự do gần một trăm năm nay, ấy là bởi họ đã dùng cái giá bằng máu mà mua được cái quyền ấy, cũng như các quyền khác của họ, đã được công nhận trên bản *Nhân quyền tuyên ngôn* và trên *Hiến pháp*.

Theo tiếng Pháp, chữ "quyền" có nghĩa mạnh lắm: quyền tức là phép, đã là phép thì *bất khả xâm phạm*. Cá nhân nào hay chính phủ nào xâm phạm cái quyền ấy của dân Pháp, sẽ có Hạ nghị viện bỏ phiếu và bị họ đánh đổ đi. Như thế, người Pháp có đủ tài, đủ trí thức mà sử dụng cái quyền của mình, nghĩa là họ biết tự do bằng cách nào, tự do trong giới hạn.

Muốn được ngôn luận tự do, phải có cái lịch trình như dân Pháp đó thì cái tự do mới có giá trị, mới là vẻ vang. Người An Nam chưa có cái lịch trình

Nắng được thì cứ nắng

ấy, mà muốn "xin" được tự do, thì ông cho là không có ý nghĩa. Giả dụ xin mà chính phủ cho, thì e báo giới ta cũng không ngôn luận tự do được, vì nó vốn không phải *cái quyền* của chúng ta, mà chỉ là *cái ơn* của chính phủ ban cho.

Nó thực sự không phải là một cái quyền vì nó không nằm trong một bản tuyên ngôn hay một bản hiến pháp nào, vì vậy nó cũng không phải là tự do đích thực. Cái ơn đã là vô ích thì việc quái gì phải đi xin? Cuối cùng ông kết luận:

*Chúng tôi từng nói: mặc dù ở trong tối tăm mà miễn là làm việc sáng láng. Mục đích của sự làm việc sáng láng là để tương lai lấy được quyền ngôn luận tự do. Chưa biết ngày nào mới lấy được, nhưng mà **lấy**, chứ không phải **xin**. Người An Nam cuối cùng lại, nếu không lấy được cái quyền tự do, thì họ phải tiêu diệt.*

- Bài *Dư luận người Việt Nam ở đâu, từ cái tin ông Hoàng Trọng Phu vào Huế đến việc hai ông Diệp Văn Kỳ và Bùi Thế Mỹ bị trục xuất khỏi Nam Kỳ?* (số 21).

Ông nêu lên một việc kỳ cục của người Việt Nam, là với những việc tầm thường thì người mình vẫn có dư luận, nhưng với những việc quan trọng, thì không, tịnh không! Cả nước Việt Nam thời đó có đến năm, sáu chục tờ báo, thế mà cái tin ông Hoàng Trọng Phu sẽ vào Huế làm một cái chức thật lớn đăng trên một vài tờ báo, cho đến cái tin hai ông Diệp Văn Kỳ và Bùi Thế Mỹ - đều là những tay viết báo kỳ cựu - bị trục xuất khỏi Nam Kỳ, thì không tờ báo nào lên tiếng chỉ vì lên tiếng thì có hại đến họ, vì vậy họ chối dài.

Không phải là người Việt Nam không có tư tưởng, không có ý kiến. Nhưng những cái tư tưởng, ý kiến nào họ liệu biết là không hợp với nhà cầm quyền hoặc nghịch với nhà cầm quyền, thì họ không bày tỏ ra. Ai cũng biết Diệp Văn Kỳ và Bùi Thế Mỹ vì phát biểu ý kiến trên báo mà cái ý kiến ấy không hợp với nhà cầm quyền hoặc nghịch với nhà cầm quyền nên mới bị trục xuất khỏi Nam Kỳ. Ông mỉa mai:

Thành ra ở xứ An Nam này, người nào có ý kiến mà không phát biểu là người khôn, khỏi mang hại vào mình. Ai cũng muốn làm người khôn cả, ai cũng muốn tránh hại cả, thành thử nước Việt Nam không có dư luận.

- Bài *Đọc cuốn Hoàng Việt Hộ Luật*, là một bài dài, có bốn phần I, II, III, IV; mỗi số báo đăng một phần, liên tiếp từ số 22, 23, 24, 25 và một bài nữa cũng xuất phát từ bộ luật này, đăng ở số 27, cộng tất thảy là năm số báo.

Ở số 22, ông cho biết: Bộ *Hoàng Việt Hộ Luật* do Bộ Tư pháp và quan cố vấn Bộ ấy biên tập mấy năm nay, đã in xong quyển thứ nhất và có Dự chỉ đem thi hành ở Trung Kỳ bắt đầu từ ngày mùng một tháng giêng Tây năm 1937. Nó có hiệu lực thi hành ngày hôm trước, thì ngày hôm sau ông cho đăng bài này, chỉ trích nó gay gắt. Ông cho rằng bộ luật này có mấy điều trái với trào lưu của thế giới và trái với sự tiến bộ của nhân dân, không tôn trọng cái quyền của cá nhân mà lại quy định cái quyền của người gia trưởng quá lớn, và chỉ ra đó là điều 204, điều 205, điều 206, điều 207 của thiên thứ VIII và điều 272 của thiên thứ IX.

Ở số 23, ông cảnh báo: hãy dự phòng, kéo có những cuộc "gia đình cách mạng", thực chất là ông chỉ ra sự xung đột giữa một bên là con cái, với một bên là cha mẹ, mà chung quy chỉ tại bộ luật này có những điều quy định quá tàn khốc về mối quan hệ đó. Như điều 210 quy định:

Quyền cha được lấy cơ thậm bất bình về hạnh kiểm của con mà xin tổng giam.

Ai đời, luật lại cho phép cha bỏ tù con lúc nào thì bỏ chỉ vì thấy bất bình với hạnh kiểm của nó? Ông kêu lên:

Than ôi! Luật Gia Long có thể như thế được lắm; nhưng Trung Kỳ ngày nay ở dưới quyền bảo hộ nước Pháp, là nước tự do, bình đẳng, bác ái, mà luật lại như thế được ư?

Và ông kết luận:

Lịch sử dạy ta rằng hễ khi nhân dân trong một nước đã lên đến trình độ cao rồi mà các quyền của họ còn bị cấm đoán thì thế nào cũng có cuộc chính trị cách mạng. Nước và nhà cùng một lẽ: Thanh niên Trung Kỳ hiện đã tiến bộ lắm, mà luật còn bắt họ ở dưới quyền gia trưởng quá nghiêm ngặt như thế, e rồi sẽ có những cuộc "gia đình cách mạng" xảy ra.

Ở số 24, ông kêu lên: Luật toan chôn những kẻ chính trị phạm hay những người ái quốc!

Ông lập luận rằng: luật với luân lý, tuy về sự ứng dụng có khác nhau, nhưng thâm ý thì chỉ có một. Luân lý khuyên người ta làm điều phải; luật cấm người ta làm điều quấy. Không cho làm điều quấy tức là bảo làm điều phải. Cho nên, luật, có thể nói là vật phụ trợ cho luân lý. Thế thì, luân lý dạy người dân phải ái quốc; giúp cho luân lý, luật cũng nên nêu ra cái nguyên tắc, rằng phải tôn kính những người dân ái quốc.

Nặng được thì cứ nặng

Phải, hình luật nước nào cũng có dành sẵn những điều trừng phạt rất nặng cho những kẻ phản quốc; như thế đủ tỏ ra cái nguyên tắc kia rồi. Theo pháp luật các nước văn minh, chính trị phạm được biệt đãi khác với thường phạm. Ấy là vì những người bị tội bởi làm chính trị, chưa chắc là người ác mà dễ thường là người ái quốc. Do các lẽ ấy, không cứ hình luật hay hộ luật, những điều nào có can liên hoặc tỏ hoặc ngầm với chính trị phạm, thì nhà làm luật phải rất thận trọng.

Đọc *Hoàng Việt Hộ Luật*, ông thấy có một chỗ trái với sự dè dặt ấy, luật chẳng những không tôn kính những người ái quốc là chính trị phạm, mà lại còn muốn "chôn" họ đi nữa. Ông chỉ ra đó là điều 119 nói về những duyên có vợ chồng ly dị nhau, tiết 2 quy định: *Vì người chồng hay người vợ bị tội đại hình.*

Theo tiết này, trong hai vợ chồng, hễ một người bị tội đại hình thì người kia có quyền xin ly dị nhau. Người bị tội đại hình có nhiều có: hoặc ăn trộm, ăn cướp, hoặc giết người, đốt nhà, hoặc làm chính trị. Ai phạm những tội ấy thường là bị *đồ, lưu, cấm cố* hoặc *tử hình*; sự trừng phạt tuy giống nhau, nhưng tội trạng thì khác nhau. Trong đó phải để riêng ra hạng chính trị phạm, họ tuy cũng bị trọng tội, nhưng không giống như bọn ác phạm kia; theo luật văn minh, họ được biệt đãi khác bọn kia.

Quy định như thế thì người ái quốc sẽ mất vợ; ai ái quốc thành ra một sự đáng sỉ nhục. Có phải luật muốn cho rày về sau không ai còn có thể ái quốc được nữa? Ông mong cái điều luật ấy có ngày phải được xóa đi.

Ở số 25, ông lại kêu lên: Một sự lạ! Giá trị của hai cuộc cải cách: *quá khứ* và *vị lai*.

Ông chỉ ra rằng, *Hoàng Việt Hộ Luật*, tuy cái hình thức bề ngoài của nó phỏng theo luật Tây, nhưng cái tinh thần của nó vẫn giữ theo luật Gia Long là thứ luật không còn hợp thời nữa. Có xứ nào nhân dân đã hiểu đến chủ nghĩa xã hội, mà luật còn noi theo những nguyên lý, nguyên tắc của luật thời chuyên chế?

Ông chua chát thốt lên rằng: *quá khứ* là cuộc cải cách ngày 2 Mai 1933, mà bộ *Hoàng Việt Hộ Luật* sản sinh ra bởi cuộc cải cách này. Nó là cái chứng cứ cho chúng ta nhận ra rằng cải cách là thế đó!

Còn cuộc cải cách *vị lai* thì ông nói rõ: chính phủ Bình Dân, Phái bộ điều tra, Toàn quyền Brévié mới nhậm chức ở Đông Dương hay Tổng

trưởng Moutet, cả ngàn ấy thứ sẽ chẳng ích gì cho dân Trung Kỳ hết nếu các luật của xứ họ còn giữ theo luật thời chuyên chế.

Ở số 27, ông đăng bài *Đến Hoàng Việt Hình Luật*, sau vụ đình công ở Huế, hai điều trong luật ấy như bị xóa bỏ ngấm ngấm.

Ông cho biết, một loạt bốn bài về *Hoàng Việt Hộ Luật* trên mấy số báo trước, được bạn đọc gửi thư đến khen lao khích lệ nhiều lắm, hầu hết đều khuyên ông nên phê bình luôn *Hoàng Việt Hình Luật* nữa. Nhưng ông nhận mình không phải là nhà luật học, nên không dám phê bình, chỉ hẹn sẽ đọc, thấy có điều gì cần nói thì sẽ nói cho bạn đọc nghe.

Thì vừa hay ở Huế, cuối tháng chạp vừa rồi, xảy ra hai vụ đình công của thợ đóng giày và thợ may, *Sông Hương* đã có thuật rõ.

Hai vụ đình công này làm rung rinh hai điều trong bộ luật ấy, là điều 128 và điều 147. Hai điều này coi *đình công* là một tội, bị phạt tiền hoặc bị giam từ ba tháng đến hai năm, thậm chí đến năm năm. Nhưng hai vụ đình công vừa rồi của thợ giày và thợ may, không thấy các quan truy cứu, mà bỏ qua đi, đã thế, quan phủ doãn là người thay mặt cho pháp luật còn điều đình cho cả hai bên chủ và thợ, còn hứa họ sẽ không ai bị bắt.

Thành thử, hai điều luật trên coi như đã bị xóa bỏ, mà xóa bỏ ngấm ngấm. Luật không thi hành được là vì nó không hợp với lẽ phải. Ông mong triều đình nên sửa đổi nó, vì một bộ luật mà đã có một vài điều vô hiệu, thì dân không còn tin nó nữa, nó tự mất thiêng rồi.

- Bài *Cái trường hợp riêng của báo giới Trung Kỳ* (số 28 và số 29).

Đây là một bài dài, gồm hai phần: *Phần I: Nam triều đã nhường quyền "cho phép ra báo" cho bảo hộ, thì có sao các báo Trung Kỳ còn ở dưới pháp luật Nam triều?* (số 28); *Phần II: Nam triều không có báo luật; các báo không đáng ở dưới quyền Nam triều* (số 29).

Cả hai phần của bài báo đều là những luận cứ của ông đưa lên mặt báo để chỉ rõ và lên án cái vô lý của pháp luật hồi bấy giờ đối với báo chí Trung Kỳ, phải chịu cảnh một cổ hai tròng - vừa Nam triều vừa bảo hộ - mà tròng nào cũng chỉ là tìm cách thít cổ tiếng nói của công luận.

- Bài *Hưởng ứng với bạn đồng nghiệp Ngày Nay: xin quan Toàn quyền cho báo chí An Nam một đạo luật mới* (số 30 và 31).

Nặng được thì cứ nặng

Đây cũng là một bài dài, gồm hai phần I và II, đăng liền hai số báo, mỗi số đăng một phần, mà sau này chúng ta biết đó là những số áp chót, ngay trước khi tờ báo chết.

Nguyên do là báo *Ngày Nay* ở Hà Nội, không còn viễn vọng xin cho báo chí xứ ta được hoàn toàn tự do như báo chí bên Pháp, mà làm một sự thỉnh cầu chánh đáng, là muốn chính phủ lập riêng cho báo chí An Nam một đạo luật, mà trong luật đó, quyền đóng cửa báo chí không ở chính phủ mà ở tòa án.

Tác giả ủng hộ và hưởng ứng lời thỉnh cầu đó, nhân thể, bàn thêm cho rõ hai chỗ quan trọng trong luật ấy, là chỗ sống và chỗ chết của tờ báo. Một là về chỗ sống, luật phải định rõ, khi xin ra báo, thì người xin phép phải có đủ những điều kiện nào, thì mới được cho phép; đừng như hiện thời, việc cho hay không cho rất vô nghĩa lý; cái chế độ ấy nhất định phải xóa bỏ đi. Hai là về chỗ chết, cấm một tờ báo, sẽ là quyền của tòa án, để tờ báo biết mình mắc tội gì; chứ đừng như hiện thời do chính phủ cấm, bị cấm mà tờ báo chẳng biết vì sao mình bị cấm; thật là ngang quá, chẳng có lẽ công bình chút nào hết. Phải nói là trong bài này, một lần nữa, tác giả lên án mạnh mẽ chế độ cai trị báo chí vừa hà khắc vừa phiền phức của chính phủ bảo hộ.

*

Những bài báo để các bút danh lạ: T.V, Thạch Bỏ Thiên, Phục Sanh, T.M, H.N, T.T, T, P.T.T, Độc Tại Lâu Chủ Nhân.

Như đã có nói đến ở phần trên, trước khi có *Sông Hương*, chưa thấy xuất hiện các bút danh này ở những tờ báo khác. *Sông Hương* là tờ báo của Phan Khôi, vì vậy có rất nhiều khả năng các bút danh lạ này là của ông? Vậy, ông có phải là chủ nhân đích thực của các bút danh đó không là việc cần phải tìm hiểu để khẳng định? Công việc có khó nhọc, nhưng cũng đã có kết quả ban đầu để làm vui; chứ bảo phải đoan chắc cả trăm phần trăm, thì quả thật không dám đoan chắc như thế ở một số rất ít trường hợp.

Phương pháp loại trừ cho phép: đầu tiên là loại các bài báo đã có tác giả rõ ràng như đã kể trên, để riêng sang một bên. Loại tiếp các bài báo không để tác giả. Chỉ để lại xem xét loại thứ ba, là các bài báo có sử dụng các bút danh lạ, như đã kể trên.

Sau đó, tiến hành xem xét nội dung từng bài báo thuộc loại này. Qua xem xét, dễ dàng nhận thấy chúng khó có thể là do những người ở bên ngoài viết và gửi cho tòa soạn. Vì, phải là người của tòa soạn thì mới có thể chủ động và nhanh nhạy viết bài đáp trả những vấn đề mới đặt ra trên mặt báo mỗi tuần. Nhận xét đó cho phép nhận định: dù với bút danh gì, lạ đến đâu, thì chủ nhân của các bút danh ấy cũng là của những người trong tòa soạn báo *Sông Hương*, tức là của ba cha con ông Chủ nhiệm. Các con ông còn trẻ, mới vừa học hành xong, dù gì cũng chỉ là người giúp việc cho ông, trí lực và bút lực chưa đủ để đảm đương các bài báo đó. Nhận định như vậy, tự nó, đưa đến cái hướng suy nghĩ: phải chăng các bài có bút danh lạ đó là của chính Phan Khôi? Lập luận như vậy, thiên nghi, cũng là có căn cứ!

Đối với từng bút danh, thận trọng tiến hành một trong các phép thử sau:

Thử phân tích phần chính văn của mỗi bài báo để tìm ra dấu hiệu riêng của Phan Khôi ẩn sau từng con chữ, thể hiện ở giọng văn, thể hiện ở các từ ngữ thường dùng, thể hiện ở lối viết, v.v... Nếu có các dấu hiệu đó thì có thể khẳng định được.

Hoặc, thử đối chiếu với các bài báo khác của ông (có để tác giả là Phan Khôi, hoặc một trong các bút danh Chương Dân, Thông Reo, Sông Hương, Tú Sơn...), đăng trên *Sông Hương* hay đăng trên bất luận tờ báo nào từ trước đến nay, kể cả các trước tác khác của ông, để tìm thấy bất cứ cái gì giống nhau giữa chúng. Nếu quả có sự giống nhau, thì có thể khẳng định được.

Hoặc, thử đối chiếu các sự kiện được dẫn ra trong mỗi bài báo đó với các sự kiện có thực trong cuộc đời hoạt động của ông. Nếu các sự kiện đó trùng nhau, thì có thể khẳng định được.

Bằng những cách đó, chỉ khi nào tìm được dấu hiệu của Phan Khôi trong mỗi bài báo, thì việc xác quyết tác giả của nó mới đáng tin cậy.

Với mỗi bút danh khác nhau, bạn đọc sẽ thấy được quá trình truy tìm tác giả đích thực của nó đối với mỗi bài báo. Qua đó, nhờ bạn đọc cho ý kiến, ngõ hầu có thể đạt được độ chính xác cao hơn ý kiến đã đưa ra ở đây. May mà được bạn đọc chỉ giáo có bút danh nào đó bị nhận nhầm, thì thật là quý hóa, vì làm gì thì làm, sự thật lịch sử vẫn là mục đích tối thượng.

Dưới đây là quá trình truy tìm chủ nhân của các bút danh:

Năng được thì cứ năng

- Bút danh T.V (bài *Trước Thâu, Ninh, Tạo 28 năm, có một người đã "bãi thực", số 17*). Theo bài báo thì người bãi thực đó là ông Chu Thượng Văn, biệt hiệu Thơ Đồng, bị thực dân Pháp khép tội làm đầu mối liên lạc với bên ngoài do Phan Bội Châu chủ trương ở Nhật. Ông bị bắt giam ở nhà lao Quảng Nam ít ngày trước khi Phan Khôi cũng bị bắt và giam ở đó. Đây là sự thật lịch sử, sau này Phan Khôi đã kể lại trong tập hồi ức *Vụ xin râu ở Quảng Nam* đang còn ở dạng bản thảo của ông. Đó là căn cứ xác đáng để khẳng định T.V là bút danh của Phan Khôi.

Bút danh T.V còn hiện diện ở chuyên mục "Cuốn sách mỗi tuần". Tại số số 13, chuyên mục này có mấy lời như sau:

Bản báo từ nay mở ra mục này để mỗi tuần giới thiệu cho bạn đọc một cuốn sách đáng đọc. Hẳn ai cũng biết rằng trong đồng sách Quốc văn, sách hay còn hiếm lắm; mỗi tuần lễ chọn ra một cuốn, mà một cuốn cho xứng đáng một cuốn, là sự không phải dễ. Vậy trong sự tuyển trạch ấy sau này nếu có chỗ miễn cưỡng, cũng xin bạn đọc lượng thứ cho.

*Bắt đầu chúng tôi xin trình cuốn **Đọc đường gió bụi** của Khái Hưng, trong Tự lực Văn đoàn, do nhà xuất bản Đời nay ở Hà Nội ấn hành, sách dày 244 trang, giá 0\$70.*

*... Giới thiệu với các ngài cuốn **Đọc đường gió bụi**... ấy là vì người đọc sách chứ không phải vì người bán sách.*

Hai từ *Bản báo* và nội dung mấy lời trên, cho phép khẳng định T.V là bút danh của người ở tòa soạn, và người đó không ai khác, là ông Chủ nhiệm.

- Bút danh Thạch Bử Thiên (bài *Cái về Khâm sai cùng với sự thực chung quanh nó, số 15*; bài *Trại Kim Hoa (Một kỹ nữ Trung Hoa mới chết hôm 4 Décembre vừa rồi, mà lúc sanh tiền có thể lặc và danh giá ngang với bà Từ Hy Thái Hậu), số 25 và số 26.*

Bài *Cái về Khâm sai cùng với sự thực chung quanh nó*, đăng trên *Sông Hương* số 15, là nhằm để bổ chú cho bài *Lối văn bình dân* của tác giả Phan Văn Thiết đăng trên tuần báo *Thế Giới* (không nói rõ số và ngày tháng), mà tác giả coi là để góp một phần với bạn đồng nghiệp vào sự truyền bá văn học bình dân.

Trong bài này, tác giả giải nghĩa những từ cần phải giải nghĩa trong bài về ấy, như các chữ *Sai đạo, trấp bảo, chú, thượng du*, các địa danh *Thác Cá, Rập*

Cu, Phong Thứ, các di tích *Văn miếu* (ở làng La Qua), *La Thành*... Ngoài việc giải nghĩa các từ trong bài về để bạn đọc hiểu được một áng văn bình dân mà tác giả rất trân trọng, tác giả còn cung cấp thêm một số tư liệu lịch sử chung quanh sự kiện Nghĩa Hội Quảng Nam những năm cuối thế kỷ XIX, trong đó kể tên nhiều địa danh trong tỉnh Quảng Nam, như Bảo An, Đông Bàn, Phong Thứ...

Chỉ riêng một bài này thôi, bằng vào sự am hiểu bài về khuyết danh của người dân tỉnh mình và sự thuộc lòng các địa danh trong tỉnh Quảng Nam, như đã kể trên, đã có thể khẳng định Thạch Bổ Thiên chính là bút danh của Phan Khôi.

Bài *Trại Kim Hoa* (*Một kỹ nữ Trung Hoa mới chết hôm 4 Décembre vừa rồi, mà lúc sanh tiền có thể lực và danh giá ngang với bà Từ Hy Thái Hậu*) ở hai số 25 và 26, tác giả dùng để đính chánh một đôi chỗ không đúng sự thật của một đồng nghiệp đã viết hai bài kể về thân thế người đàn bà đặc biệt đó, đăng trên báo *Mai* ở Sài Gòn (không nói rõ số và ngày tháng), với rất nhiều tư liệu chứng tỏ sự am hiểu và cập nhật kịp thời đời sống văn học Trung Quốc thời đó, vốn là một thế mạnh của Phan Khôi, mà ai cũng thừa nhận.

Cần nói thêm là, bút danh Thạch Bổ Thiên còn xuất hiện ở hai bài nữa trong chuyên mục "Sử học" (sẽ nói ở phần sau), mà cả hai bài đều có các dấu hiệu của Phan Khôi, điều đó càng củng cố ý kiến khẳng định Thạch Bổ Thiên là bút danh của Phan Khôi.

- Bút danh Phục Sanh hoặc Phục Sinh (bài *Đoàn Chí Tuân, Bạch Xí* (*Một nhân vật lịch sử trước đây 40 năm*), các số 16, 17, 18). Đoạn đầu, tác giả viết:

Từ trước mỗi khi tôi có dịp đi qua mấy tỉnh miền ngoài, gặp người nhắm là đáng hỏi thì tôi cũng hỏi về Bạch Xí. Kết quả mấy cuộc phỏng vấn của tôi chẳng có gì là tốt. Vì không có ai biết người ấy cho tường tất để kể cho mình nghe. Sau nhờ có cụ Sào Nam ở ngoại quốc về, tôi được hầu chuyện Cụ mấy lần trên sông Hương (chúng tôi viết đậm để nhấn mạnh, P.A.S), cụ kể chuyện Bạch Xí cho nghe, tôi bèn chép mà để lại. Đương lúc cụ Sào còn mạnh giỏi, tôi nên đem chuyện này đăng báo để có gì sai với lời Cụ, nhờ Cụ chữa cho.

Chưa cần phải đi sâu vào nội dung bài báo, chỉ nội chừng đó dòng tác giả bộc bạch, cũng đủ khẳng định Phục Sanh là bút danh của Phan Khôi, vì theo tư liệu lịch sử, cũng giống như cụ Phan Châu Trinh, cụ Phan Bội Châu

Nắng được thì cứ nắng

đã yêu mến Phan Khôi từ mấy chục năm về trước, lúc ông mới là một thanh niên chấp chững đi theo con đường vận động cách mạng của các cụ. Hồi đó, đúng là ông được hầu chuyện Cụ trong những chuyến cùng Cụ dạo chơi bằng thuyền trên sông Hương thật. Sau này, trong những năm làm báo ở Huế, không tuần nào Phan Khôi không dành thời gian đến thăm Cụ Phan, nhiều lần ông đưa cả vợ đi cùng, biểu Cụ số *Sông Hương* mới ra và nhận từ Cụ những lời khen dành cho *Sông Hương* và những lời khuyên, lời động viên dành cho ông chủ của nó. Đó là lý do để tác giả viết: *Đương lúc cụ Sào còn mạnh giỏi, tôi nên đem chuyện này đăng báo để có gì sai với lời Cụ, nhờ Cụ chữa cho.*

- Bút danh T.M. (bài *Chung quanh việc Việt kiều bị bắn ở Xiêm La*, số 20).

Về việc Việt kiều ở Xiêm biểu tình, bị bắn chết, nhiều tờ báo ở ta lên tiếng xin chính phủ Pháp ở Việt Nam can thiệp với chính phủ Xiêm, có tờ báo mai oán với vua Xiêm, có tờ còn kêu gọi đồng bào mình *trả thù rửa nhục*.

Đứng ở vị trí thật khách quan, lấy luật pháp quốc tế đương thời làm trọng, tác giả bài báo phân tích sự kiện này từ nhiều khía cạnh, làm rõ tư cách pháp lý của Việt kiều ta trên đất Xiêm, để xem, theo luật pháp quốc tế, có hợp pháp hay không hợp pháp, là căn cứ để bàn đến việc can thiệp. Sau khi phân tích, tác giả thấy sự việc không hội đủ các căn cứ luật pháp cần thiết. Nghe qua thì thấy như tác giả lạnh lùng với số phận của đồng bào mình, nhưng có lẽ không phải. Phải chăng tác giả muốn người Việt Nam chúng ta bao giờ cũng phải đập chân sát đất mà đi, nghĩa là muốn làm việc gì cũng phải căn cứ vào thực tế, ở đây là thực tế pháp lý quốc tế. Quan điểm đó rất thực tế, tránh được những việc làm không cần thiết, bởi chính nhân dân mình, sống trên đất nước mình, còn chưa được tự do, sinh mạng còn bị bọn thực dân Pháp coi rẻ, nói gì ở nước ngoài. Quan điểm đó trùng khít với quan điểm trong bài *Ý kiến của tôi về việc xin ngôn luận tự do. Tại sao tôi phản đối sự xin lập nghiệp đoàn báo giới Trung Kỳ?* (số 26) của tác giả Sông Hương.

Lại nữa, chúng ta thường thấy quan điểm đó ở Phan Khôi, trong những sự việc tương tự, ông thường một mình một quan điểm, nhiều lúc ngược lại với quan điểm của nhiều người khác và chịu chuốc lấy tiếng bất cận nhân tình. Vì vậy, cảm chắc bài này lại cũng là của ông Chủ nhiệm báo *Sông Hương*.

- Bút danh H.N (bài *Sự tự do tư tưởng ở Đức*, số 18). Đây là một bài rất ngắn, chỉ có thể là do người của tòa soạn viết. Bài viết như lời bình luận ngắn gọn về sự mất tự do tư tưởng ở Đức thời Quốc xã, nhân tác giả đọc được một mẫu thư của một người thợ Đức đăng trong một bài của báo *L'oeuvre* (không nói số và ngày tháng). Lời bình ấy có dụng ý rất rõ, khi chúng ta được đọc mấy câu cuối cùng sau đây:

Nhưng chúng ta cũng đừng nên lấy thế làm ngạc nhiên. Goebbels đã chẳng nói nhiều lần: "Quốc gia không cần gì bọn trí thức. Trí khôn là một điều nguy hiểm cho sự cấu tạo tính tình". Một chủ nghĩa đã lấy những câu ấy làm phương châm, thì sự bóp chặt đầu óc người ta kia nghĩ thật chí lý vậy.

Bằng vào lời văn có hơi hướng cổ, bằng vào lòng yêu tự do tư tưởng mà hai mươi năm sau chúng ta lại được chứng kiến bùng lên ở nơi ông, cho phép kết luận bút danh H.N là của Phan Khôi.

- Bút danh T.T (bài *Văn hào Nga Maxime Gorki qua đời*, số 2; bài *Một cuộc đàm luận về văn học rất quan hệ*, số 5; bài *Người thường với sự viết văn*, số 16; bài *Tư tưởng "bay trên không" có tự bao giờ*, số 17; bài *Chữ Pháp của cụ Phạm Phú Thứ*, số 20; và ở chuyên mục "Khoa học thường thức" là bài *Nguyên do những quái tượng*, số 14).

Bài thứ nhất, nhân cái chết của Maxime Gorki (1869 - 1936), bài báo giới thiệu sơ lược về thân thế và sự nghiệp nhà đại văn hào Nga xô viết với thái độ trân trọng, tiếc thương. Đó là một bài không dài và dấu hiệu của ngòi bút Phan Khôi không thật rõ ràng, mặc dù có thể cảm nhận được là do ông viết.

Bài thứ hai, là một bài dài, bàn về hai ý kiến trái ngược nhau về hiện thời và tương lai của nền văn học Pháp, giữa một bên là tư tưởng bi quan của thi hào Paul Valéry và một bên là tư tưởng lạc quan của Edouard Heriot và Julien Cain. Tác giả nghiêng về ý kiến của Edouard Heriot và Julien Cain. Bằng vào giọng văn, bằng vào các luận cứ trong bài, có thể tin là của Phan Khôi, nhưng chưa dám quả quyết.

Bài thứ tư, cũng là một bài dài, bàn về sự phát kiến ra máy bay, khởi thủy từ cái mong muốn bỏ quách cõi trần mà bay trên chín tầng mây của loài người; chuyện đi mây về gió trong các tiểu thuyết Tàu; những bức vẽ các vị thiên thần hay tiên nữ giương đôi cánh mỹ miều và khả ái của người xưa; đến danh họa Léonard de Vinci ở hồi đầu thế kỷ XVI phác họa ra kiểu

Nặng được thì cứ nặng

máy bay đầu tiên; đến Faust Vèrazio năm 1617 xuất bản cuốn sách chuyên nói về máy bay; đến Bénier de Sablé thử ngồi trên một bộ máy có cánh đập nhưng kết cục là không bay được năm 1678; đến một ông hầu tước lại thử bay qua sông Sein, nhưng rui nửa chừng rơi xuống, bị gãy mất một chân năm 1742; đến nhà văn hào J. J. Rousseau xuất bản tập sách *Le Nouveau Dédale* cũng cùng năm ấy, mơ ước loài người sẽ có ngày đi được trên không để dàng như đi trên bộ; cho đến bốn mươi năm sau, anh em nhà Montgolfier phát minh ra khinh khí cầu; rồi từ đó nghề hàng không mỗi ngày mỗi phát đạt. Và đến đây, tác giả khẳng định chính phong trào lãng mạn là con đẻ của công cuộc chinh phục không trung, với thế hệ những Lamartine, những Victor Hugo.

Với giọng văn dí dỏm và cách liên hệ tài tình giữa hai ngành sáng tạo trái ngược nhau: một bên là kỹ thuật cao siêu, chính xác; còn một bên là văn học lãng mạn, nhân văn; bài báo quả là sản phẩm của một bộ óc trác việt cỡ Phan Khôi. Nhưng vẫn chưa dám quả quyết.

Bài thứ năm, cũng là một bài dài, được viết sau khi đọc qua cuốn *Tây phù nhật ký* do cụ Phạm Phú Thứ soạn, thuật lại cuộc hành trình của sứ bộ Việt Nam sang Pháp năm 1863. Tác giả phê phán rằng, các cụ Phạm Phú Thứ, Phan Thanh Giản, Ngụy Khắc Đản..., là những bậc tước nho, mà không dịch nổi mấy cái tiếng Tây ra chữ Hán. Tác giả kết luận: *Chẳng qua các cụ đã không chịu khó đày thôi. Không chịu khó, vẫn là cái bản tính của người An Nam.* Ở tòa soạn báo *Sông Hương* mà có người viết bài dám bàn đến chuyện của các bậc thức giả trong lịch sử, lại bàn bằng giọng phê phán kiểu đó, thì e chỉ có cái gan của ông Chủ nhiệm, nhưng lấy căn cứ nào để khẳng định? Thật là khó quá!

Nhưng, đây rồi, đã có thể tìm ra chủ nhân của cái bút danh viết tắt T.T ở bài thứ ba, là bài *Người thường với sự viết văn* (số 16).

Đây cũng là một bài dài, phê phán thái độ rất cầu thả của tất thảy những người Việt Nam không phải là nhà văn, khi viết các loại đơn từ, giấy tờ liên quan đến bản thân mình. Tác giả viết:

Người ta quên rằng một nền văn học thịnh hay suy là do một phần ở trình độ viết văn của đám người thường: đám người thường viết có thông thì những người xuất sắc hơn họ gọi là nhà văn, mới có thể tạo nên những tác phẩm có giá trị; trái lại,

nếu đám người thường viết bất thành cú thì nghệ thuật của nhà văn cũng vẫn theo luật tương đối mà ở vào trình độ thấp kém.

Tác giả viết tiếp:

Sự viết văn của người thường, đối với văn học, quan hệ là thế, vậy mà ở xứ mình, xem ra ít người để ý đến. Người ta viết rất cầu thả, mặt chữ và văn pháp không đúng đã đành, đến việc dàn xếp ý tứ cho có mạch lạc, thứ tự, cũng bị khinh thường. Vẫn biết rằng chữ Quốc ngữ chưa có mẹo luật nhất định, nhưng ít ra chúng ta phải viết thế nào cho kẻ đọc hiểu được, không vì những lời lẽ quanh co, tối tăm mà phải bực mình.

Cần phải trích tiếp một đoạn ngắn nữa, để bạn đọc có thể đồng ý rằng: chủ nhân của cái bút danh viết tắt T.T, thật ra là ai? :

Hàng ngày chúng tôi tiếp được rất nhiều thư từ gửi đến, hoặc để tỏ lời hoan nghênh, hoặc để mua báo dài hạn (chúng tôi viết đậm để nhấn mạnh. P.A.S). Những bức thư ấy phần nhiều viết bằng một lối văn có khi đọc đến năm, bảy lần chúng tôi mới hiểu được mục đích của người viết. Lại nhiều bài lai cáo - cố nhiên là không đăng được - do mối cảm tình của bạn đọc đưa đến (chúng tôi viết đậm để nhấn mạnh, P.A.S), nó bất thành văn đến nỗi chúng tôi đọc mà phải kinh ngạc.

Đoạn này, nhất là với những từ viết đậm để nhấn mạnh, chúng tỏ bài viết là của những người trong tòa soạn báo *Sông Hương*, và không thể là của ai khác, ngoài ông Chủ nhiệm!

Đó là chưa kể đến một việc, mà chắc bạn đọc đều biết, rằng Phan Khôi là người yêu tiếng Việt hết mực, đã nhiều lần ông đưa ý kiến của mình lên các mặt báo khác nhau, yêu cầu người Việt mình, đã viết tiếng Việt, thì phải viết cho đúng, kể cả nói cũng phải nói cho đúng.

Chắc là bạn đọc cũng đã đồng ý với sự khẳng định đó!

Từ bài thứ ba này, đã khẳng định được bút danh viết tắt T.T chính là của Phan Khôi, thì có thể bỏ ngay cái sự không dám quả quyết ở trên kia, để khẳng định tất cả những bài báo trên *Sông Hương* để bút danh T.T, đều là của ông!

- Bút danh T. (bài *Thơ không phải là món hàng đắt khách*, số 13; bài *Lý trí và trực giác theo triết học của Bergson*, số 21; bài *Thế nào là một nhà văn Mỹ*, số 26).

Bài đầu, ngắn, đọc thì biết chắc chắn là của tòa soạn *Sông Hương*, và cũng muốn tin là của ông Chủ nhiệm, nhưng bày chứng cứ ra thì khó quá, ngoại trừ cái giọng văn rất quen thuộc đã gặp ở nhiều bài khác của ông.

Năng được thì cứ năng

Bài thứ hai, dài hơn, kể lại và có lời khen buổi diễn thuyết bằng tiếng Pháp về triết học của Bergson của ông Phạm Quang Bách, cử nhân văn chương và tiến sĩ luật, vào tối thứ ba ngày 8 Décembre 1936 tại Viện Dân biểu Huế. Tác giả bài báo đánh giá Bergson là một nhà đại tư tưởng Pháp, đã từng làm chấn động cả thế giới từ đầu thế kỷ XX.

Cả bài báo toát lên cái thâm thúy của tác giả về sự hiểu biết khái niệm *lý trí* và khái niệm *trực giác*. Nếu quả thực ở tòa soạn *Sông Hương* có một bộ óc thâm thúy như thế, thì không thể là ai khác, ngoài ông Chủ nhiệm. Nói quả quyết như vậy là bởi vì, ngay từ giữa năm 1930, trên tờ *Phụ Nữ Tân Văn* ở Sài Gòn, trong loạt bài phê bình cuốn *Nho giáo* của Trần Trọng Kim, Phan Khôi đã phân tích rất kỹ sự giống nhau và khác nhau của khái niệm *lý trí* và khái niệm *trực giác* giữa triết học phương Tây với Khổng học. Độc giả có thể đọc từ trang 181 đến trang 233 cuốn *Phan Khôi - Tác phẩm đăng báo 1930* của Lại Nguyên Ân do Nhà xuất bản Hội Nhà văn và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây ấn hành năm 2006, để xác nhận điều này. Đó là một lý do.

Lý do nữa là đoạn trích sau đây có vẻ nóng hổi hơi thở của Phan Khôi:

Đây, chúng ta nhận thấy một cái đặc sắc của diễn giả. Trước một cái cử tọa An Nam là một phần tử của cái dân tộc mấy ngàn năm đã say đắm trong nền văn hóa trầm tĩnh của phương Đông, ông Phạm Quang Bách trước khi kết luận, không quên so sánh hai cái văn minh Đông, Tây. Đông, nếu muốn được hoạt động như Tây, nên vứt bỏ những tư tưởng cũ kỹ hẹp hòi của Khổng giáo, và lấy một cái học thuyết mới làm phương châm cho sự sống của mình, nó sẽ gây cho mọi người một cái tinh thần mạnh mẽ và sẽ đặt chúng ta trên con đường tiến hóa không ngừng.

Nói đoạn trích trên đây nóng hổi hơi thở của Phan Khôi, là bởi lẽ, cái tư tưởng toát lên trong đoạn trích ấy đâu chỉ có một lần này chúng ta mới nghe thấy, mà đã nhiều lần trước đó, trên các tờ báo khác, ông đã kêu gọi như thế, là hãy *vứt bỏ những tư tưởng cũ kỹ hẹp hòi của Khổng giáo* để tiếp thu cái hay của triết học phương Tây.

Lý do sau cùng, bạn đọc cũng nên biết, là những năm làm báo ở Huế, ông Chủ nhiệm báo *Sông Hương* không bỏ sót một buổi sinh hoạt học thuật hoặc sinh hoạt nghề nghiệp nào, kiểu như buổi diễn thuyết trên đây. Các anh Phan Thao, Phan Cừ giúp việc ông ở tòa soạn, cũng đều là người có học, ham hiểu biết và có nhiều tâm đắc với tư tưởng cộng sản, nên cũng

thường đi dự các buổi sinh hoạt học thuật đó, nhưng bảo là các anh có thể viết được những bài như vậy cho tờ báo của cha mình, thì chắc chắn không thể.

Ba lý do trên đây đủ để khẳng định bút danh viết tắt T. là của Phan Khôi.

- Bút danh P.T.T (bài *Ngoảnh nhìn văn học năm vừa qua*, số 26; bài *Vấn đề chuyển dịch những danh từ địa dư nước ngoài ra tiếng ta*, số 29; bài ở chuyên mục "Phê bình": *Cuốn Trống mái của Khái Hưng*, số 27 và bài *Cuốn Phan Đình Phùng của Đào Trinh Nhất*, số 31.

Bài đầu, làm nhiệm vụ đánh giá sự thành công của văn học Việt Nam năm 1936 trên các mặt tiểu thuyết, thơ, phê bình và cả về triết học cũng như hoạt động của các nhà xuất bản. Bài này, đọc, thì thấy thuộc thể loại phê bình, là thể loại vốn cũng thuộc sở trường của Phan Khôi, nhưng trong trường hợp này, thấy gần với tay nghề của Hoài Thanh hơn.

Nhưng, nếu trong các bút danh của Hoài Thanh không có bút danh viết tắt P.T.T, như chúng ta đã biết, thì rất có khả năng bút danh này là của Phan Khôi. Nói vậy là bởi hai lẽ: một là, trên báo *Sông Hương* mà Hoài Thanh là người cộng tác chặt chẽ, chỉ thấy ông dùng bút danh Hoài Thanh, ngoài ra không thấy dùng bút danh nào khác nữa; hai là, trong bài, khi nói về tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng, có một câu này mà cứ ngỡ ngỡ là của Phan Khôi: *Riêng bạn đọc Sông Hương đều đương được thưởng thức cái văn tài ấy trong truyện dài Làm đĩ, nó biểu dương một nghệ thuật rất cao vậy. Coi tiểu thuyết Làm đĩ là biểu dương một nghệ thuật rất cao của văn tài Vũ Trọng Phụng, nhận xét đó trước hết là của Phan Khôi, chúng ta đã gặp trong mấy bài báo ông viết nhằm bảo vệ tiểu thuyết này. Hiểu thì hiểu vậy, nhưng quả thật là cũng chỉ mới ngỡ ngỡ, vì cái chứng cứ để dựa vào chưa phải đã chắc chắn.*

Bài sau, chỉ cái đầu đề thôi, đã thấy nó thuộc nghề tay phải của Phan Khôi, vì ông được coi là một bậc túc nho, lại thông hiểu tiếng Pháp và cũng là một nhà dịch thuật có uy tín. Và như chúng ta đều biết: ông, trước sau là một người chí tình chí nghĩa với tiếng Việt, suốt đời bảo vệ tiếng Việt. Cả bài báo này chỉ để bảo vệ tiếng Việt và tìm cách làm giàu tiếng Việt. Nhưng đó mới chỉ là cái nền, chứ chưa phải chứng cứ, còn phải xới tung cái nền ấy lên để tìm cho ra chứng cứ. Thì đây, đã tìm thấy ba cái chứng cứ:

Năng được thì cứ năng

Một là, nguyên văn câu này:

Trong quyển Tây phù nhật ký của cụ Phạm Phú Thứ mà trên báo này (chúng tôi viết đậm để nhấn mạnh, P.A.S) đã có lần nhắc đến, ra đời từ bảy mươi năm về trước là cái hỏi người Tàu có lẽ chưa làm cái việc phiên dịch những danh từ Âu Mỹ cho nên người An Nam hẳn thấy của sẵn là mượn ngay, chính cụ đầu tiên đã dịch những tiếng ấy bằng lối An Nam đó, thì phỏng đã sao?

Cái chi tiết quyển *Tây phù nhật ký* của cụ Phạm Phú Thứ chắc chắn là của Phan Khôi, vì chúng ta đã thấy ông sử dụng nó trong bài *Chữ Pháp của cụ Phạm Phú Thứ* (số 20) mà ở đoạn trên đã có nói đến. Còn một chi tiết quan trọng hơn, đó là hai từ *báo này* ở câu trên, cho phép khẳng định tác giả bài báo phải là người của tòa soạn, không thể là người ngoài, bởi vì nếu là người ngoài thì sẽ không dùng hai từ *báo này* để chỉ báo *Sông Hương*, mà sẽ dùng cụm từ *báo Sông Hương*. Suy rộng ra, trong trường hợp này, hai từ *báo này* tương đương với cụm từ *báo của tôi*. Đã là người của tòa soạn, mà còn *báo của tôi* nữa, thì tức là Phan Khôi!

Hai là, còn một câu này nữa: *Đây, xin cứ ra mấy cái lệ ngoại* (chúng tôi viết đậm để nhấn mạnh, P.A.S). Từ *cứ* và từ *lệ ngoại*, là hai từ Phan Khôi hay sử dụng trong các bài báo của mình, cũng được coi là một chứng cứ.

Ba là, bài này có một chữ Pháp phải chú thích, là chữ *Manche*. Tác giả chú thích, nguyên văn như sau:

(1). *Về chữ Manche, tôi không thể không nhắc đến một cái bờ ghềnh buồn cười thường thấy của một vài tờ báo hằng ngày ở đây. Có lẽ vì không hiểu chữ Manche, nên mỗi khi có tin gì về eo biển ấy, người ta thường viết: "Một người Pháp lội qua eo biển Manche", hoặc: "Chiếc tàu X của Anh cháy trên eo biển Manche". Nhưng nói thế thì thà nói: "Vợ tôi ma femme...", chẳng đã tạo nên một câu khôi hài ý vị hơn!*

Chính nhờ thêm cái chú thích này mà có thể khẳng định tác giả bài báo là Phan Khôi, bởi vì hơn một lần, đã thấy đâu đó cách diễn đạt này trong bài viết của ông, tiếc rằng lúc này cần đến, thì lại không nhớ được để mà dẫn ra.

Từ hai bài báo trên đây, đã có thể nói bút danh viết tắt P.T.T là của Phan Khôi. Nhưng vẫn nên khảo sát tiếp một vài bài nữa, đó là:

Bài ở mục "Phê bình": *Cuốn Trống mái của Khái Hưng* (số 27). Bài này, tác giả khen cuốn tiểu thuyết mới ra của Khái Hưng. Trong bài, có hai câu thuộc

giọng văn cũng như cách ngắt câu, cách dùng dấu phẩy rất quen thuộc của Phan Khôi, đã nhiều lần gặp ở các trứ thuật khác của ông. Đó là câu: *Sự ấy, Hiền khi mời Voi, cũng không ngờ mà có.* Và câu: *Sự ấy, ta hãy đợi một trăm, hay vài trăm năm nữa.* Rồi chữ **đều** mà ông đã nhiều lần sử dụng thay cho chữ **điều** như chúng ta vẫn dùng ngày nay. Thí dụ trong câu: *Tác giả đã trọng sự thực mà không kết hai thiếu niên lại với nhau, đều đó ta nên nhận là một cái đặc sắc* (chúng tôi viết đậm để nhấn mạnh, P.A.S). Cuốn *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của giải thích chữ **đều** có nghĩa như chữ **điều**, thí dụ: *đều chi* cũng tức là *điều chi*, *đến đều* là *đến điều*, *ngặt một đều* là *ngặt một điều*, *đặt đều* là *đặt điều*... Vẫn biết thời đó có nhiều người dùng chữ **đều** thay cho chữ **điều** theo cách ấy, chứ không phải chỉ có ông, nhưng trong trường hợp cụ thể này, cái chất Phan Khôi vẫn lộ ra rõ mồn một.

Bài ở mục "Phê bình": *Cuốn Phan Đình Phùng của Đào Trinh Nhất* (số 31). Tác giả cho rằng các nhà văn nhắc lại chuyện xưa là cần thiết, nhưng chỉ nên nhắc lại những chuyện xưa nào cần thiết cho cuộc sống hôm nay. Tác giả tâm đắc với câu nói của một nhà văn cách mạng Đức: "Ta chỉ nên suy tầm về dĩ vãng trong trường hợp nó biểu lộ như một yếu tố của hiện tại". Chính với quan niệm về lịch sử như thế, tác giả quyết định sẽ phê bình cuốn *Phan Đình Phùng* của ông Đào Trinh Nhất. Tác giả cho rằng đó là một tác phẩm khảo cứu rất dày công. Tác giả cuốn sách, ngoài những tài liệu tìm được trong sách vở, còn chịu khó tìm về quê hương nhà cách mạng họ Phan để lấy tư liệu. Nhưng cái mà tác giả bài báo chủ ý đem ra khen, là tác giả cuốn sách đã nhận thấy cái nguyên nhân trọng yếu đã giúp cho nghĩa quân cầm cự ngót mười năm. Cái nguyên nhân ấy, tác giả cuốn sách gọi là lòng người. Còn tác giả bài báo thì coi lòng người hay sự ủng hộ của dân chúng cũng chỉ là một. Thực tế cuộc khởi nghĩa của ông Phan sờ dĩ kéo dài một cách oanh liệt, là nhờ toàn thể dân chúng ủng hộ, từ kẻ nghèo hèn đến bậc giàu sang, tất cả đều nuôi một hy vọng là đem lại hai chữ độc lập cho vua, cho nước. Tác giả bài báo cho rằng, về sau Phan Đình Phùng thất bại cũng chỉ vì quân Pháp biết đánh vào chỗ yếu ấy của ông là lòng người: chúng trừng trị những người bị tình nghi mật giao với nghĩa quân, làm cho binh sĩ kinh sợ sút giảm nhuệ khí, lại sinh nghi kỵ nhau, nhân tâm ly tán, là nguyên nhân đưa đảng Văn thân đến bước đường cùng. Tác giả bài báo viết:

Năng được thì cứ năng

Cái vinh dự cho quân Cần vương trong một khoảng thời gian ấy, lúc bấy giờ và sau này, không một cuộc khởi nghĩa nào chiếm được, ấy cũng chỉ tại có sự ủng hộ của dân chúng. Sau này, bốn mươi năm, bởi thiếu sự ủng hộ của dân chúng mà cuộc biến động ở Yên Bái thất bại chỉ trong mấy tiếng đồng hồ, và do thế, có tính cách một cuộc binh biến hơn là một cuộc khởi nghĩa.

Đọc ông Đào Trinh Nhất, tác giả chỉ bực một điều là ông ấy hay lý luận, hay bàn quá. Tác giả cho rằng cái chủ quan của ông Đào nhiều lắm: những lời bàn của ông Đào chẳng những làm giảm cái hương vị của câu chuyện, mà còn như không đúng sự thực nữa. Tác giả bài báo viết:

Viết báo khác mà viết lịch sử ký sự khác, chớ nên đánh xô bồ hai cái làm một. Người viết ký sự chỉ có một việc là kể chuyện, kể cho hay, để cảm kích, lôi kéo người đọc; và thính thoảng, nếu cần để cái chủ quan của mình vào, phải để một cách khôn khéo, kín đáo.

Quyển *Phan Đình Phùng* dày 292 trang, in bằng chữ R.10, tác giả bài báo cho rằng với cỡ chữ ấy, ông có thể làm tác phẩm của ông Đào mỏng bớt vài trang: vì văn ông Đào chưa sạch, đầy rẫy những chữ thừa, viết cầu thả, câu văn không gọn, chữ dùng chưa chính; có vẻ ông Đào viết luông tuông, như người ta nói miệng vậy. Ông Đào Trinh Nhất mà không mắc những lỗi ấy, thì tác phẩm sẽ hoàn toàn hơn. Vào thời ấy, có lẽ chỉ ở vị thế của Phan Khôi mới dám phê phán cây bút Đào Trinh Nhất mạnh mẽ đến như thế; còn phê phán trực diện, không né tránh thì vẫn là đặc tính của ông, xưa nay ai cũng đã biết.

Thêm cái bài thứ tư này, càng khẳng định bút danh viết tắt P.T.T là của Phan Khôi.

- Bút danh Độc Tại Lâu Chủ Nhân (bài *Những chuyện oái ăm*, *Nhất danh: Độc tại lâu bút ký*, các số 27, 28, 31). Đây là những mẩu chuyện vui vui đậm chất tiểu lâm, diễn ra trong mấy làng, mấy huyện ở Quảng Nam chung quanh vụ xin trâu năm 1908.

Đọc loạt bài này, thì biết những mẩu chuyện đó đã diễn ra từ ba chục năm trước, Phan Khôi là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến và ông bị bỏ tù cũng vì vụ này. Bây giờ nhớ mà kể lại, thì có lẽ chỉ còn có ông làm được việc ấy.

Suy đoán này thêm phần chắc chắn hơn, bởi vì loạt bài này chỉ mới xuất hiện từ số 27, là lúc tờ báo của ông đã tới hồi quần bách về tài chính, kéo theo sự quần bách về bài vở, buộc ông phải kéo căng mình ra để nhớ và viết lại những mẩu chuyện như thế.

Càng chắc chắn hơn, không phải, mà hơn thế, là có thể khẳng định: Phan Khôi là tác giả của loạt bài này dưới bút danh Độc Tại Lâu Chủ Nhân, bởi vì, có mấy mẩu chuyện như *Lỳ đờn*, *Thiên dân*, *Văn tế chết đuối*, *Khóc mẹ...*, thì gần hai chục năm sau, vào năm 1955 ở Hà Nội, ông đều có viết lại trong tập hồi ức *Vụ xin xôi ở Quảng Nam* còn ở dạng bản thảo.

Xin ghi lại bài *Văn tế chết đuối* đăng ở số 31:

*Than ôi! Nước còn lênh đênh, dân khó ngoi ngóc.
Đã thuế nặng nề, lại quan tham độc.
Chó ăn cả lông, cây đào tận gốc.
Không tiền mua khăn, nên đầu ông trọc.
Không tiền mua vải, nên áo ông cộc.
Rủ nhau xin xôi, kêu tình khổ nhục.
Một dạ vững bền, tám ngàn chen chúc.
Không ngờ sẩy chân, chẳng vớ được cọc.
Kẻ mất người còn, than ôi đau xót.
Thôi thà thác trong, còn hơn sống đục.
Hồn ông đi đâu: Xiêm La? Băng Cốc?
Nhật Bản? Hoàn Tân? Ấn Độ? Thiên Trúc?
Lớn hóa làm tàu bay, nhỏ hóa làm súng lục,
Phơi phới trên từng mây, để chờ cơn bão phục!
Nay có rượu cạn một bầu, vẫn Nôm một khúc,
Tế ông một diên, vì dân đau khóc!*

Cần ghi lại là vì, sau hai mươi năm - vào năm 1955 ở Hà Nội - ông có nhớ lại bài văn tế này để đưa vào tập *Vụ xin xôi ở Quảng Nam*, nhưng chỉ còn nhớ được lốm bốm, bị thiếu nhiều, không đầy đủ bằng bài văn tế đăng trên *Sông Hương* ngày ấy. Thiển nghĩ, về mặt văn bản học, việc ghi lại là cần thiết vậy!

Bút danh Phan Nhưng không phải của Phan Khôi:

Có điều này cũng nên kể ra để bạn đọc biết cho công việc truy tìm tác giả của các bút danh cũng thật là lăm công phu, có trường hợp tưởng đã tìm được, nhưng chỉ gặp một câu ngắn trong một bài báo, là cái công tìm kiếm trước đó đổ đi hết cả.

Đó là trường hợp bút danh Phan Nhưng. Có ba bài sử dụng bút danh này cùng về một chủ đề là phê phán cái vắn nạn dịch thơ của các thi sĩ nước ngoài ra thơ Việt của người mình tràn lan trên báo chí thời đó. Gồm: bài *Cái nạn dịch thơ* (số 11); bài *Trở lại vấn đề dịch thơ (Trả lời ông Đức Ninh trong báo Tràng An)* (số 15); bài *Lại một lần nữa về vấn đề dịch thơ* (số 21). Điều đáng lưu ý của bút danh này là: nó còn được sử dụng mấy lần nữa ở các chuyên mục khác nhau. Ở chuyên mục "Phê bình" nó được sử dụng ở bốn bài nữa, là bài *Tôi yêu văn học nước Pháp* (số 9); bài *Tôi yêu văn học nước Pháp - ít lời về phái lãng mạn và Viện Hàn lâm* (số 10); bài *Họ phê bình* (số 14); và bài *Cuốn Bóng mây chiều của Hàn Thế Du* (số 20). Ở chuyên mục "Truyện ngắn" thì có truyện ngắn *Toàn thế cả* (số 28). Vì vậy, với bút danh này, phải lần lượt khảo sát tất cả các bài báo trên, kể cả cái truyện ngắn, rồi mới dám kết luận.

Bài *Cái nạn dịch thơ* đăng ở *Sông Hương* số 11 ngày 10 Octobre 1936, tác giả phê phán những người chuộng hư danh, chạy theo cái "mốt" sính dịch thơ của các thi sĩ nổi tiếng nước ngoài ra tiếng Việt, đang rất thịnh hành trên mặt báo thời bấy giờ. Tác giả cho rằng dịch như vậy là đã làm mất đi cái hồn, cái tinh túy của nguyên tác, lại còn làm hại tác giả của những áng văn tuyệt mỹ đó nữa.

Thì liền đó, báo *Tràng An* số 167 ngày 23 Octobre 1936 đăng bài *Ai bảo dịch thơ là một cái nạn?* của tác giả Đức Ninh công kích lại. Vì đó mà tác giả Phan Nhưng phải có bài *Trở lại vấn đề dịch thơ (Trả lời ông Đức Ninh trong báo Tràng An)* (số 15) để một lần nữa bảo vệ ý kiến của mình. Đây là một bài dài, viết khá chi tiết, đối chứng các đoạn văn của mình và của người phản đối mình, để biện bác.

Báo *Tràng An* số 178 ra ngày 1 Décembre 1936 lại có bài của Mặc sĩ Nguyễn Huy Nhu nhắc đến vấn đề dịch thơ nhằm công kích tác giả Phan

Nhưng, có một câu rất gay gắt: "Ông Phan Nhưng là ông nào, dám cả gan bảo dịch thơ là một cái nạn?". Vì vậy, tác giả Phan Nhưng buộc phải có bài *Lại một lần nữa về vấn đề dịch thơ* (số 21). Đây cũng lại là một bài dài, sự biện bác của tác giả càng gay gắt hơn nhằm bảo vệ ý kiến của mình.

Chỉ có ba bài báo cũng đủ làm nên một cuộc tranh luận nho nhỏ nhưng không kém phần quyết liệt, có cái gì đó khá gần với sở trường của Phan Khôi, khiến người viết đã chực ngả về hướng cho rằng bút danh Phan Nhưng là của Phan Khôi. Nhưng công việc không thể dừng lại ở đó mà phải đọc tiếp bốn bài ở chuyên mục "Phê bình" và cả cái truyện ngắn, như đã kể trên, thì mới dám kết luận. Càng đọc càng thấy sở trường và phong cách của người viết mỗi ngày một cách xa Phan Khôi. Cho đến khi gặp cái câu tác giả Phan Nhưng viết: *Nhớ lúc tôi còn học ở ban Trung học...* trong bài *Tôi yêu văn học nước Pháp - ít lời về phái lãng mạn và Viện Hàn lâm* (số 9), thì phải kết luận ngay rằng: bút danh Phan Nhưng không phải là của Phan Khôi!

Có thể nói chắc như thế là bởi vì, trong sự học, Phan Khôi chỉ học chữ Hán ở trường cũ và thi đỗ tú tài năm 1906, sau đó ông tự học, chứ không học ở ban Trung học bao giờ cả. Bao nhiêu công sức để mong tìm thêm được một bút danh của ông thế là thành công cốc cả, nhưng không tiếc, không buồn, mà lại thấy vui vì đã tiếp cận được với sự thật.

Chưa có căn cứ để nói rằng bút danh Phan Nhưng là của tác giả nào, nhưng cứ bằng vào nội dung các bài báo, và nhất là cái câu đã trích ở trên, thì chắc chắn rằng tác giả phải là người thuộc phái tân học, rất am hiểu văn học Pháp cả về trường phái lãng mạn, cả về trường phái cổ điển, và có nhiều năm sống ở Hà Nội, vì truyện ngắn *Toàn thế cả* lấy bối cảnh Hà Nội với những Quán Thánh, Hồ Tây, Hàng Mành, bóp Hàng Đậu...

Sự chắc chắn đó cho phép nghĩ tới anh Phan Thao, con cả của ông, người trực tiếp giúp ông công việc sửa mo rất, có khi cả việc biên tập và dịch thuật, bởi vì ở anh có đầy đủ những điều trên kia: anh là người đã có nhiều năm học và thi tú tài tại Hà Nội, rất thuộc Hà Nội, lại say mê văn học Pháp, đã bắt đầu viết cho các tờ báo tiến bộ, sau này làm thầy giáo dạy môn Việt văn, và vào thời điểm làm báo *Sông Hương*, anh đã hình thành và phát triển khá vững vàng về lý tưởng sống, về các quan điểm đối với thời cuộc, đối với văn chương.

Nắng được thì cứ nắng

Nhưng có một điều khác bác đi cái điều đã nghĩ tới trên kia, là cũng trong các bài báo đó, lại thường trực một giọng văn tranh luận có phần "đanh đá", "nanh nọc", hoàn toàn không phù hợp với bản tính nhu mì, hiền lành, kín đáo của một Phan Thao ngoài đời.

Lại nữa, chị Phan Thị Miều, thuở nhỏ có thời gian sống gần anh, được anh giúp đỡ việc học hành, lúc đã ngoài tám mươi tuổi viết tập hồi ký đang còn ở dạng bản thảo *Nhớ về anh cả tôi - anh Phan Thao*, trong đó có câu: *anh không viết bài báo nào cho Sông Hương*. Thời điểm anh Phan Thao ở Huế làm báo *Sông Hương*, tác giả tập hồi ký tuổi còn nhỏ, lại sống ở quê, nếu có ở Huế thì cũng chỉ là được đưa ra chơi ít ngày, khó có thể biết hết công việc của anh ở tòa soạn, nên khẳng định như thế, e cũng khó?

Nhưng mọi thông tin cần phải được tôn trọng, vì vậy, việc muốn tin anh Phan Thao là chủ của bút danh Phan Nhưng, cho đến nay, vẫn còn phải đặt trước một dấu hỏi?

Có một chi tiết để có thể nghĩ rằng bút danh Phan Nhưng là của Hoài Thanh. Đó là tổng đề "Thời sự trong tuần lễ" của số 7 ngày 12 Septembre 1936 có đăng toàn văn biên bản hội nghị báo giới Trung Kỳ tại Viện Dân biểu tối ngày 7 tháng 9 năm 1936 để quyết nghị những điều thỉnh cầu với ủy ban Điều tra của chính phủ Bình Dân Pháp sắp qua Đông Dương. Cuộc họp có hai mươi một người dự, trong đó có mười tám người đại diện cho các tờ báo ở Trung Kỳ. Nguyên văn biên bản ghi: *Hiện có mặt các ông Phan Khôi, Hoài Thanh (báo Sông Hương); ...* Chi tiết này khiến bạn đọc ngày nay tin rằng đã có một thời gian, ít nhất là những tháng đầu mới ra *Sông Hương*, Hoài Thanh đã làm việc cho Phan Khôi tại tòa soạn. Phải như vậy thì biên bản nói trên mới ghi như thế được. Chỉ có ngồi ở tòa soạn, Hoài Thanh mới có đủ điều kiện để tiếp xúc với mọi tin đi tin về nóng hổi của tờ báo và mới sẵn sàng có bài đáp trả, như đã thấy ở các bài sử dụng bút danh Phan Nhưng đã nói đến trên kia. Và vì vậy, bút danh Phan Nhưng có phải là của Hoài Thanh chăng?

Dẫn thêm chút nữa, tìm hiểu tiểu sử sơ lược của Hoài Thanh (1906 - 1982), thì được biết ông có tên khai sinh là Nguyễn Đức Nguyên, và ngoài bút danh Hoài Thanh quen thuộc như chúng ta đã biết, ông chỉ sử dụng hai bút danh nữa là Văn Thiên và Le Nhà Quê. Tức là ông không có bút danh Phan Nhưng như đã liên tưởng đến ở trên.

Như vậy là, bút danh Phan Nhưng trên báo *Sông Hương*, đã đành là không phải của Phan Khôi, nhưng là của ai, thì cho đến nay vẫn còn chưa xác định được. Cứ đành phải để bút danh Phan Nhưng trước một dấu hỏi vậy?

Cái trích biên bản nói ở trên cho chúng ta biết thêm một sự thật, là: Hoài Thanh, có một thời gian - chắc chắn nhất là thời gian đầu - có làm việc cho Phan Khôi tại tòa soạn báo *Sông Hương*. Khẳng định như thế, để thế này: khi nói là chỉ có ba cha con Phan Khôi làm tờ *Sông Hương*, thì nên hiểu đó là nói chung. Cũng có thể hiểu theo nghĩa: *Sông Hương* là tờ báo tư nhân do Phan Khôi sáng lập, bỏ tiền túi ra nuôi nó và tự mình làm lấy, không thuê người ngoài, nếu không kể Hoài Thanh là một cộng sự quan trọng của ông, ít nhất là trong thời gian đầu của tờ báo.

II

Những bài không để tác giả

Đây là những bài viết, hoặc rút, hoặc dịch từ các tạp chí và báo in bằng tiếng nước ngoài. Có bài dài, có bài ngắn về bất cứ vấn đề gì trong phạm vi tôn chỉ tờ báo. Cũng có bài giống như một mẫu tin, thời ấy trong nghề gọi là bài kỹ thuật, thường làm nhiệm vụ lấp chỗ trống trên mặt báo lúc lên khuôn in. Những bài loại này đương nhiên là của tòa soạn. Đọc, thì nhận ra ngay là của ông Chủ nhiệm.

Đó là những bài *Khổng miếu mới lập trong Nam* (số 5); bài *Karx Marx với văn chương* (số 5); bài *Ông Paul Doumer luận về vua Thành Thái* (rút của tạp chí *Thế Giới*, số 12); bài *Nghệ thuật Việt Nam ở ngoại quốc* (số 13 và số 16); bài *Chiếc sơ mi trên lịch sử* (số 19); bài *Triều đình An Nam và vua Duy Tân dưới con mắt nhà văn sĩ hàn lâm Eugène Brioux* (dịch, số 13); bài *Một cuộc diễn thuyết về André Gide* (số 24); bài *Theo pháp luật, báo Quốc ngữ ở Nam Kỳ được tự do xuất bản* (số 30); bài *Nhân lễ bách chu niên một nhà đại thi hào Nga: Pouchkine* (số 30). Và nhiều bài khác...

Dưới đây xin điểm qua một số bài: